



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3



<http://www.hachiba.com.vn>



0236.3759002



Địa chỉ: Số 60 Mẹ Nhu, Phường
Thanh Khê Tây, Quận Thanh
Khê, Thành phố Đà Nẵng



Email: hachiba@dng.vnn.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29-3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

01

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

02

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

03

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021

07

Khẳng định giá trị thương hiệu bằng chữ “ TÍN “

Đúng một năm sau ngày giải phóng Đà Nẵng, ngày 29/3/1976, Tổ hợp dệt 29/3 được hình thành và đi vào hoạt động. 45 năm trải qua rất nhiều sóng gió thử thách, Tổ hợp dệt nay là Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 vững vàng đi lên, trở thành ngọn cờ đầu của ngành công nghiệp dệt may Việt Nam nói chung và của thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Đến với công ty, sẽ thấy ngay câu khẩu hiệu hành động được đặt trang trọng trên cao: “Công ty chúng ta không lớn nhất nhưng quyết tâm phấn đấu trở thành một trong những đơn vị uy tín nhất”. Uy tín với cộng đồng, uy tín với khách hàng và uy tín trong nội bộ cơ quan chính là sự khác biệt giúp công ty vượt qua được những thử thách trong môi trường cạnh tranh gay gắt nhất.






THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành & phát triển
- Ngành nghề & địa bàn kinh doanh
- Cơ cấu bộ máy tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các yếu tố rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3
Tên giao dịch:	MARCH 29 TEXTILE - GARMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	HACHIBA
Giấy CNĐKDN số:	0400100457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 27 tháng 03 năm 2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 20 tháng 11 năm 2018.
Vốn điều lệ:	51.992.740.000 VNĐ
Địa chỉ:	Số 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại:	0236.3759002
Số fax:	0236.3759622
Website:	http://www.hachiba.com.vn/
Email:	hachiba@dng.vnn.vn
Mã cổ phiếu:	HCB
Logo Công ty:	



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Tiền thân của Công ty là một Tổ hợp dệt khăn bông 29-3 được thành lập ngày 29/03/1976

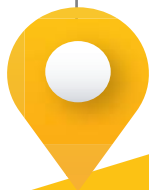


1978

Tháng 11/1978, UBND tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng ký quyết định chuyển đổi Tổ hợp dệt khăn bông 29-3 thành Xí nghiệp công tư hợp doanh Dệt 29-3

2019

Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Chứng khoán vào ngày 07/07/2010



2018

Công ty hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 51,99 tỷ đồng



1984

Xí nghiệp công ty chuyển đổi thành Nhà máy dệt quốc doanh mang tên Nhà máy dệt 29/3. Nhà máy được Nhà nước bình chọn là “Lá cờ đầu” và được tặng nhiều cờ, bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bộ ngành và địa phương



2007

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp theo Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 29/03/2006 của UBND thành phố Đà Nẵng, Công ty cổ phần Dệt May 29/3 được thành lập theo GCNDKDN số 3203001358, đăng ký lần đầu ngày 27/03/2007 do Sở KH&ĐT thành phố Đà Nẵng cấp với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng.

Ngày 01/10/2007, Công ty cổ phần Dệt may 29/3 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng.

2010

Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu (Mã CK: HCB) và ngày 09/12/2019.



2020

- Chứng nhận “Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2020” do người tiêu dùng bình chọn.
- Chứng nhận của Hội đồng Công trình xanh Việt Nam công nhận Chi nhánh CTCP Dệt May 29/3 – Xí nghiệp May Duy Trung đã đáp ứng các tiêu chí về công trình xanh được đặt ra trong Hệ thống LOTUS BIO V1.1 và đạt mức chứng nhận Công trình xanh.

2021

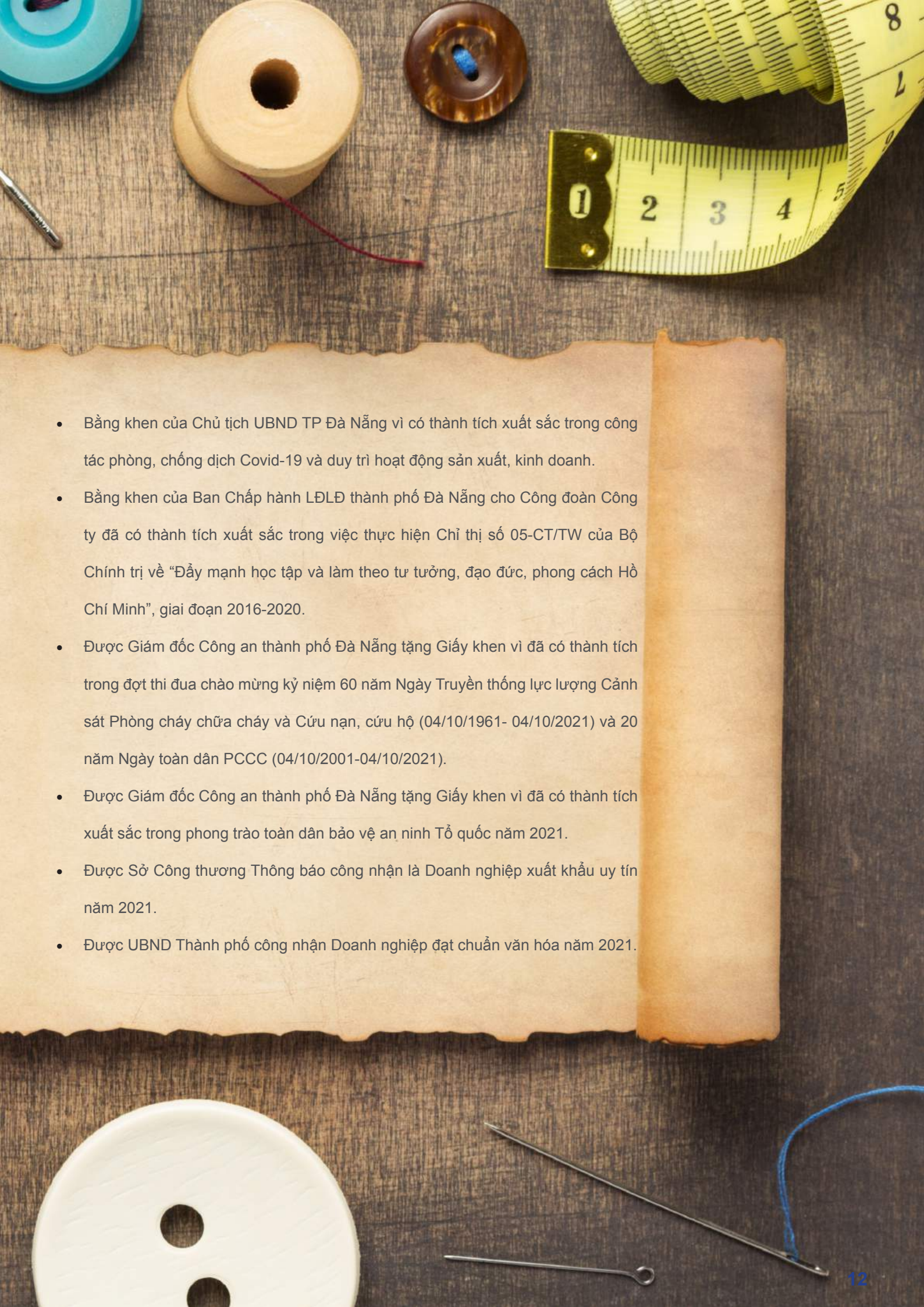
Đảng ủy Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng khen thưởng là cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tiêu biểu trong năm 2021.



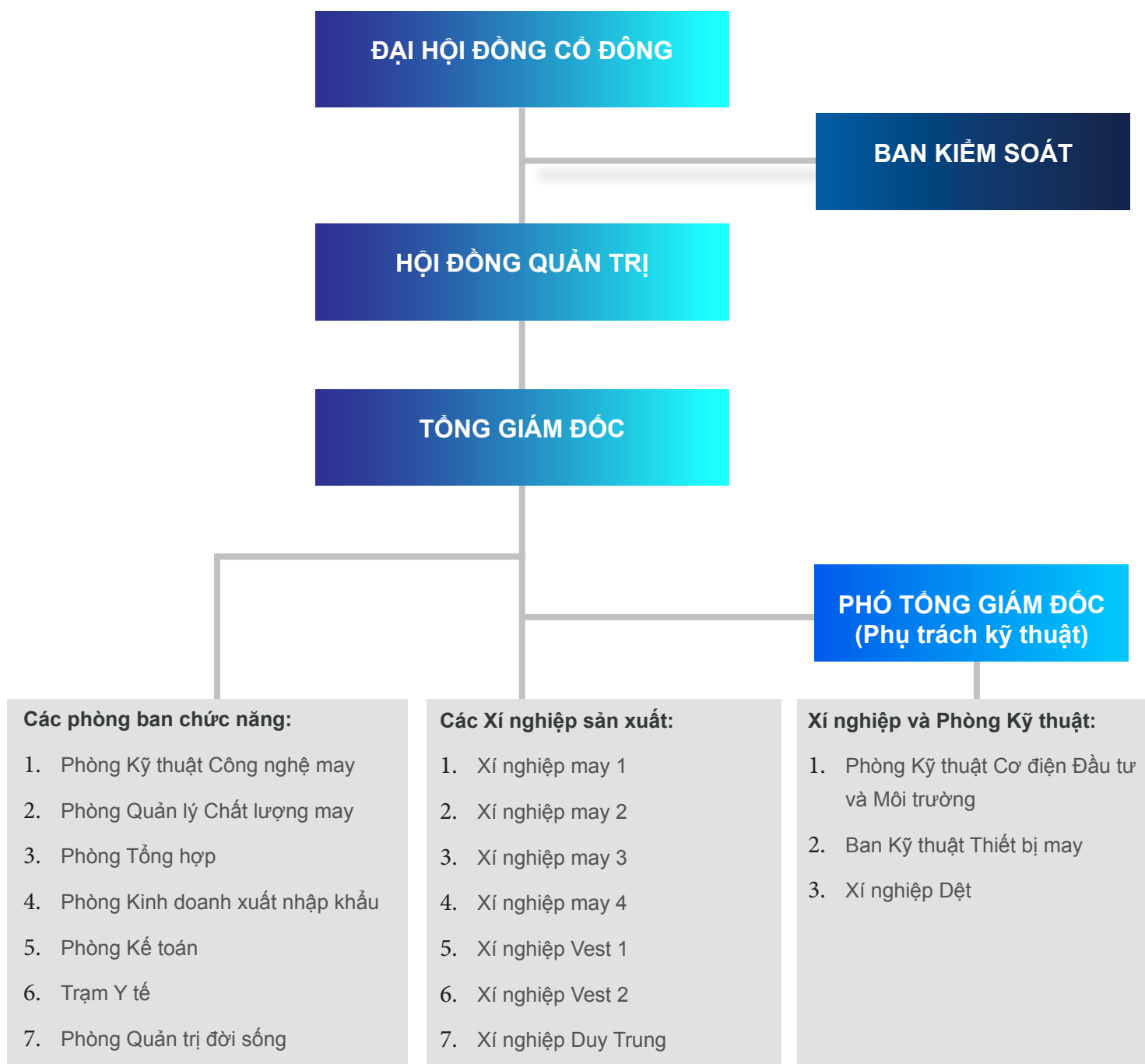
Các thành tích đạt được:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình, Công ty cổ phần Dệt may 29/3 đã đạt được các thành tích như sau:

- Được Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH tặng Cờ thi đua là Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua về công tác an toàn, vệ sinh lao động 2020.
- Được Ban Thường vụ Thành ủy tặng Cờ cho Đảng bộ Công ty vì đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tiêu biểu 05 năm liền (2016-2020).
- Được Ban Thường vụ Đảng ủy Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng tặng Bằng khen cho Đảng bộ Công ty đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, giai đoạn 2016-2020.
- Được Đảng ủy Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng tặng Giấy khen Đảng bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu năm 2021.
- Bằng khen của Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng cho Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020.

- 
- Bằng khen của Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng vì có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 và duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh.
 - Bằng khen của Ban Chấp hành LĐLĐ thành phố Đà Nẵng cho Công đoàn Công ty đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, giai đoạn 2016-2020.
 - Được Giám đốc Công an thành phố Đà Nẵng tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong đợt thi đua chào mừng kỷ niệm 60 năm Ngày Truyền thống lực lượng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ (04/10/1961- 04/10/2021) và 20 năm Ngày toàn dân PCCC (04/10/2001-04/10/2021).
 - Được Giám đốc Công an thành phố Đà Nẵng tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2021.
 - Được Sở Công thương Thông báo công nhận là Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2021.
 - Được UBND Thành phố công nhận Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa năm 2021.

CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC



Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt May 29/3 – Xí nghiệp may Duy Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tây An, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam

Mã số doanh nghiệp: 0400100457-007

NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn
- Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may.
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- Bán buôn các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may. Kinh doanh các dịch vụ thương mại khác.
- Các sản phẩm chính của công ty: khăn các loại, quần áo các loại, veston.

Địa bàn kinh doanh:

Công ty sản xuất và kinh doanh tại địa chỉ 60 Mệ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu

- HCB hoạt động với tiêu chí không ngừng sáng tạo, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao khách hàng bằng chất lượng sản phẩm tốt nhất.
- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.
- Tiếp tục duy trì, mở rộng sản xuất kinh doanh truyền thống và phát triển khách hàng mới, duy trì quan hệ tốt với khách hàng cũ, nâng cao giá trị thương mại với dòng sản phẩm veston.
- Nâng cao uy tín thương hiệu thông qua chất lượng sản phẩm, ổn định sản xuất và đảm bảo việc làm cho người lao động.
- Áp dụng công nghệ cao vào sản xuất kinh doanh nhằm tăng hiệu quả và năng suất sản xuất, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Không ngừng nâng cao hiệu quả và tối đa hoá lợi nhuận, mang lại lợi ích thiết thực cho cổ đông.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Đảm bảo lợi ích cốt lõi của doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và khách hàng.
- Tập trung chăm sóc về lương, thưởng, các chính sách đãi ngộ và các chế độ phúc lợi cho người lao động.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động làm việc an toàn và phát huy năng lực, nâng cao năng suất làm việc, tạo điều kiện và môi trường phát triển tốt.
- HCB luôn làm việc và tuân thủ pháp luật, chấp hành tốt các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn (giai đoạn 2022- 2026)

- Đầu tư Xí nghiệp may Duy Trung 2 (bên cạnh Xí nghiệp may Duy Trung 1) tại Cụm công nghiệp Tây An, Duy Xuyên với quy mô 800 lao động, đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh theo yêu cầu của khách hàng trong năm 2022- 2023.
- Tiếp tục đầu tư thêm các thiết bị chuyên dùng hiện đại, có năng suất cao để tăng năng suất lao động theo năng lực tài chính của Công ty và đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Áp dụng triệt để và có hiệu quả công nghệ sản xuất lean cho tất cả các hoạt động sản xuất tại Công ty.
- Thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca và chế độ phúc lợi khác cho người lao động để thu hút, tuyển dụng thêm nhân lực cho các xí nghiệp.
- Tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt để có lực lượng thay thế cho số cán bộ đã đến tuổi nghỉ hưu trong các năm tới.
- Đa dạng hóa thị trường, khách hàng và sản phẩm để ổn định sản xuất, phòng tránh rủi ro. Tiếp tục tìm kiếm những thị trường mới, khách hàng mới nhất là khách hàng sản xuất Veston để nâng cao hiệu quả SX và đầu tư. Cân đối tỷ trọng các đơn hàng FOB/ đơn hàng gia công 1 cách hợp lý bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn và an toàn tài chính cho Công ty.
- Tăng cường công tác quản trị sản xuất và quản trị rủi ro, nâng cao năng lực chỉ đạo và điều hành của Ban điều hành các cấp trong đó chú trọng năng lực điều hành của Giám đốc Xí nghiệp trong chỉ đạo thực hiện công tác cải tiến nhằm nâng cao năng suất lao động và thực hiện tốt kế hoạch các đơn hàng được giao.
- Công ty đã xây dựng lộ trình phấn đấu đến năm 2025 trở thành Công ty đạt tiêu chí sản xuất xanh của Tổ chức môi trường xanh Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và chủ trương của Thành phố.
- Tiếp tục giảm dần sản xuất và tiến tới chấm dứt hoạt động ngành dệt khăn bông sau khi thanh lý xong máy móc, thiết bị dệt đồng thời đổi tên Công ty là “ Công ty Cổ phần 29/3 Đà Nẵng” thay cho tên gọi hiện nay để thực hiện kinh doanh đa ngành nghề theo Luật doanh nghiệp.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2021, tình hình dịch bệnh trên thế giới và Việt Nam diễn biến phức tạp và khó lường, song ngành dệt may Việt Nam vẫn ghi nhận nhiều tích cực khi thị trường xuất khẩu lớn nhất như Mỹ, Liên minh Châu Âu (EU)... mở cửa trở lại. Đặc biệt, Việt Nam đã thay đổi chính sách từ zero Covid sang thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, vừa phục hồi vừa phát triển kinh tế theo Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính Phủ. Theo thông tin được Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas), năm 2021 ngành dệt may xuất khẩu ước đạt 39 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm 2020 và tăng 0,3% so với năm 2019; đây là toàn bộ nỗ lực của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

Các Hiệp định thương mại tự do giúp thúc đẩy giá trị xuất khẩu của ngành dệt may Việt Nam trong năm 2021. Cụ thể, sản phẩm dệt may sẽ bắt đầu được hưởng thuế ưu đãi theo EVFTA và RCEP giúp các doanh nghiệp dệt may Việt Nam

nói chung cũng như HCB nói riêng đứng trước các cơ hội tiềm năng mở rộng xuất khẩu đến thị trường quốc tế.

Với những cơ hội và thách thức của nền kinh tế khi mở cửa trở lại, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát tình hình quốc tế và chuẩn bị sẵn các kịch bản ứng phó phù hợp với thị trường nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.



RỦI RO TỶ GIÁ

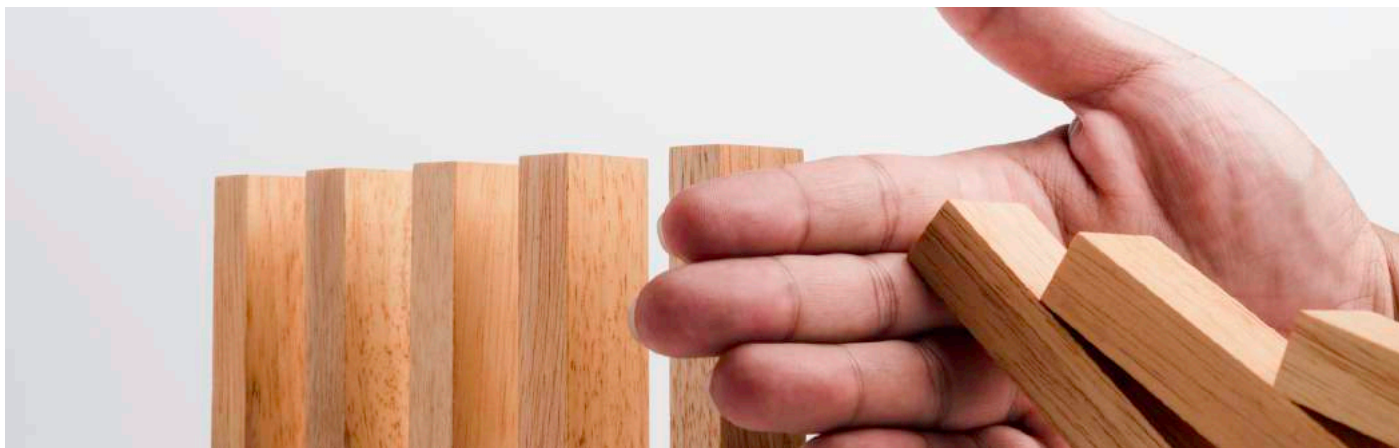
Dệt may đang là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực, giữ vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam với đóng góp từ 10% - 15% GDP hàng năm. HCB là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dệt may, thị phần chính là thị trường xuất khẩu nên Công ty sẽ chịu rủi ro biến động tỷ giá giữa Việt Nam và ngoại tệ tương đương. Trong năm 2021, Ngân hàng Nhà nước đã cung ứng ra thị trường hơn 34.000 tỉ đồng thông qua việc mua vào 1,5 tỷ USD trên thị trường ngoại hối khi tỷ giá USD/VND giảm, đây là cơ hội của cơ quan Nhà Nước gia tăng dự trữ ngoại tệ giá rẻ nhưng khả năng cạnh tranh hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng. Để phòng ngừa trước những rủi ro có thể xảy ra, Công ty luôn chủ động khi tìm đến các giải pháp phòng ngừa và kiểm soát rủi ro tỷ giá hiệu quả. Đồng thời, Công ty luôn lập kế hoạch theo dõi sát sao diễn biến tỷ giá trên thị trường để có những quyết sách linh hoạt, phù hợp, từ đó tránh được những cú sốc khi thị trường có biến động tiêu cực.



RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Một yếu tố quan trọng trong ngành dệt may là yếu tố nguyên vật liệu đầu vào. HCB là doanh nghiệp tập trung lớn vào may mặc trong khi quy mô phát triển của các ngành công nghiệp phụ trợ không tương xứng, vì vậy nguồn cung nguyên vật liệu không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Hầu hết nguồn nguyên vật liệu đều được nhập khẩu từ Trung Quốc nên đặc ra nhiều thách thức cho ngành dệt may nói chung và HCB nói riêng trong công tác quản lý chi phí đầu vào cũng như tìm kiếm nguồn cung thay thế. Do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của HCB nên bất kỳ biến động nào của giá nguyên liệu cũng làm ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty. Vì vậy, để quản trị rủi ro giá nguyên vật liệu đầu vào, Công ty luôn duy trì mối quan hệ với các đối tác uy tín, thiết lập mối quan hệ với các nhà cung cấp để được giá mua hợp lý nhằm tránh sự biến động về giá cả thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời gian tới.





RỦI RO NGUỒN LAO ĐỘNG

Ngành dệt may là ngành thâm dụng lao động, trong khi để nâng tính cạnh tranh, các doanh nghiệp gia tăng năng suất và chất lượng sản phẩm lên cao, vì vậy nguồn lao động trình độ cao là một yếu tố vô cùng quan trọng trong dây chuyền sản xuất của các doanh nghiệp đặc biệt là ngành dệt may. Để thu hút và đào tạo được nguồn nhân lực có tay nghề và sẵn sàng đồng hành lâu dài với Công ty, HCB luôn có những đãi ngộ tốt với các chính sách hỗ trợ cho nhân sự nhằm thu hút và tạo sự gắn bó với Công ty. Bên cạnh đó, với mục đích tối ưu hoá lợi nhuận, Công ty luôn phải đối mặt với các chi phí lao động tăng cao, vì vậy để đảm bảo năng suất các doanh nghiệp cần phải gia tăng hiệu quả quản lý để phát triển lợi nhuận.

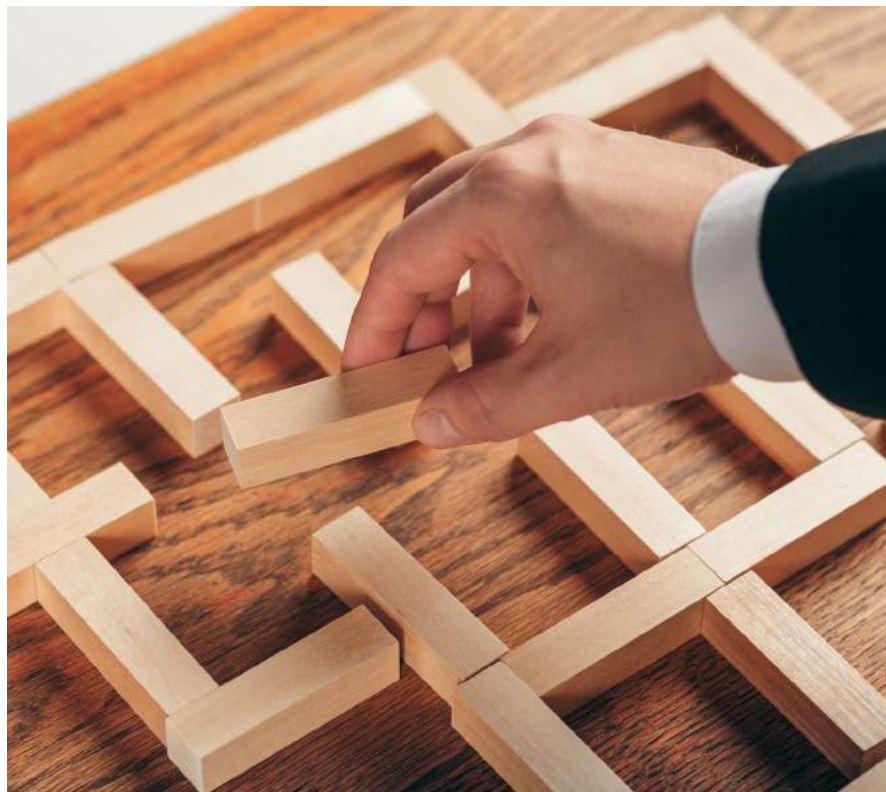


RỦI RO LUẬT PHÁP

Là một trong những doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam, đã đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, nên Công ty chịu sự tác động bởi nhiều luật liên quan đến kinh doanh như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Kế Toán, Luật Lao Động, Luật Bảo Hiểm... Ngoài ra, Công ty còn chịu sự chi phối của các Thông tư, Nghị định và các văn bản liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu từ chính sách thuế, hải quan,... Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên Minh Châu Âu (EVFTA) được ký kết, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu dệt may Việt Nam, EVFTA yêu cầu chất lượng cũng như các quy tắc đầu vào đạt chuẩn xuất khẩu sang EU. Với các điều luật, chính sách pháp luật liên tục đổi mới để phù hợp với nền kinh tế, HCB luôn phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật nhằm phòng ngừa rủi ro về pháp lý và giúp cho Công ty hoạt động ổn định.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro trên thì HCB cũng luôn đối mặt với những rủi ro khác mà không thể rào trước như dịch bệnh, thiên tai... đặc biệt trong năm 2021, dịch bệnh Covid-19 bùng phát và phức tạp khiến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm giảm, các nhà máy xí nghiệp bị buộc dừng hoạt động. Đây là những khó khăn chung mà các doanh nghiệp sản xuất đều phải đối mặt. Vì vậy, để phòng ngừa các rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra, HCB luôn có những biện pháp phòng chống và ứng phó kịp thời nhằm giảm sự thiệt hại đến tình hình sản xuất kinh doanh.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ Tên	Chức vụ
1	Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm TGD
4	Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên HĐQT



Ngày sinh: 06/05/1941

Ông Huỳnh Văn Chính – Chủ tịch HĐQT

- Nguyên quán: Quảng Nam
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Quản lý Kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 1976 - 1978: Chủ nhiệm tổ hợp Dệt may 29/3

Từ 1979 - 1981: Phó giám đốc xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3

Từ 1982 - 04/1984: Giám đốc xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3

Từ 1995 - 2005: Phó chủ tịch Hiệp hội Dệt may Việt Nam

Từ 2002 - 2007: Đại biểu Quốc Hội khóa XI

Từ 04/2007 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt may 29/3

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu: 504.629 cổ phần, chiếm 9,71% tổng số cổ phần đang lưu hành.





Ngày sinh: 13/03/1948

Ông Nguyễn Đình Trường – Phó Chủ tịch HĐQT

- Nguyên quán: Hà Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Tổng hợp TP. HCM
- Quá trình công tác:

Từ 08/1965 - 04/1970: Công nhân bưu điện tại Hà Nội

Từ 05/1970 - 12/1988: Thiếu tá, Trưởng ban tổ chức động viên Cục kỹ thuật Quân khu 07

Từ 01/1989 - 03/1991: Cán bộ phòng kinh doanh Công ty HTKD Việt Tiến - Tungsing
Từ 1995 - 2005: Phó chủ tịch Hiệp hội Dệt may Việt Nam

Từ 04/1991 - 12/1994: Phó giám đốc cửa hàng HTKD Công ty HTKD Việt Tiến - Tungsing

Từ 01/1995 - 09/1995: Giám đốc chi nhánh Công ty may Việt Tiến tại Hà Nội

Từ 10/1995 - 02/1997: Giám đốc điều hành Công ty may Việt Tiến

Từ 03/1997 - 01/2002: Phó tổng giám đốc Tổng công ty may Việt Tiến

Từ 02/2002 - 12/2007: Tổng giám đốc Tổng công ty may Việt Tiến

Từ 01/2008 - nay: Phó chủ tịch HĐQT Tổng công ty may Việt Tiến

Từ 03/2008 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Dệt may 29/3

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty may Việt Tiến.
- Số cổ phần sở hữu: 308.000 cổ phần, chiếm 5,92% tổng số cổ phần đang lưu hành.



Ngày sinh: 01/09/1959

Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt – Thành viên HĐQT kiêm

Tổng giám đốc

- Nguyên quán: Quảng Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ 1981: Nhân viên phòng Kế hoạch - XN Công tư Hợp danh 29/3

Từ 1986: Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Nhà máy Dệt 29/3

Từ 1990: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty Dệt may 29/3

Từ 1999: Phó Giám đốc - Công ty Dệt may 29/3

Từ 2007 - nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt may 29/3

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu: 552.500 cổ phần, chiếm 10,63% tổng số cổ phần đang lưu hành.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ



Ngày sinh: 19/06/1959

Ông Lâm Trọng Lương – Thành viên HĐQT

- Nguyên quán: Quảng Đông (Trung Quốc)
- Trình độ chuyên môn: Kinh doanh máy may công nghiệp
- Quá trình công tác:

Từ 1979 - 1988: Nhân viên Tổ hợp sản xuất xà bông

Từ 1989 - 1990: Giám đốc văn phòng đại diện Công ty Golden Deside Hong Kong

Từ 1991 - nay: Giám đốc Công ty Việt Tiến Tung Shing; Thành viên HĐQT CTCP Dệt may 29/3

Từ 03/2008 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Dệt may 29/3

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Việt Tiến Tung Shing
- Số cổ phần sở hữu: 499.231 cổ phần, chiếm 9,60% tổng số cổ phần đang lưu hành.



Ngày sinh: 08/08/1985

Ông Nguyễn Xuân Tùng – Thành viên HĐQT

- Nguyên quán: Quảng Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 2010 - 2011: Nhân viên Công ty CP chứng khoán Dầu khí Đà Nẵng

Từ 2011 - 2014: Nhân viên Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Từ 2017 - nay: Thành viên HĐQT - Công ty CP Dệt may 29/3.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu: 378.750 cổ phần, chiếm 7,28% tổng số cổ phần đang lưu hành.



Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ Tên	Chức vụ
1	Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS
2	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS
3	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS



Ngày sinh: 01/03/1969

Bà Lê Thị Hải Châu – Trưởng Ban Kiểm soát

- Nguyên quán: Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 08/1989 - 09/1996: Nhân viên thống kê phân xưởng Công ty Dệt May 29/3

Từ 10/1996 - 03/2007: Nhân viên phòng tổ chức Công ty Dệt May 29/3

Từ 04/2007 - nay: Nhân viên phòng tổng hợp; Chủ tịch công đoàn Công ty; Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Dệt May 29/3.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu: 26.000 cổ phần, chiếm 0,5% tổng số cổ phần đang lưu hành.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Bà Nguyễn Thị Phương Lan – Thành viên BKS

Ngày sinh: 17/01/1977

- Nguyên quán: Quảng Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 01/2000 - 09/2006: Nhân viên phòng tổ chức Công ty Dệt May 29/3

Từ 10/1996 - 03/2007: Nhân viên phòng tổ chức Công ty Dệt May 29/3

Từ 10/2006 - nay: Nhân viên văn phòng công ty, Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Dệt May 29/3.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu: 4.000 cổ phần, chiếm 0,08% tổng số cổ phần đang lưu hành.

Bà Lê Thị Thuý Lan – Thành viên BKS

Ngày sinh: 17/04/1956

- Nguyên quán: Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 07/1980 - 04/2012: Nhân viên phòng kế toán Công ty CP Dệt May 29/3

Từ 04/2012 - nay: Thành viên BKS Công ty CP Dệt may 29/3

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu: 8.422 cổ phần, chiếm 0,16% tổng số cổ phần đang lưu hành.

Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Họ Tên	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc
2	Ông Trần Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Kế toán trưởng



Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

(Sơ yếu lý lịch Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt vui lòng xem tại Sơ yếu lý lịch HĐQT)



Ngày sinh: 01/12/1963

Ông Trần Xuân Hoà – Phó Tổng Giám đốc

- Nguyên quán: Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ nhiệt điện, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ 1982 - 1984: Nhân viên XN Dệt - Xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3

Từ 1984 - 2007: Trưởng ca sản xuất, Phó quản đốc phân xưởng Dệt, Trưởng phòng cơ điện, Phó giám đốc - Công ty Dệt May 29/3

Từ 2007 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dệt may 29/3

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu: 26.900 cổ phần, chiếm 0,52% tổng số cổ phần đang lưu hành.



Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 10/09/1982

- Nguyên quán: Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 09/2004 - 07/2020: Nhân viên phòng kế toán Công ty CP Dệt may 29/3

Từ 07/2020 - 05/2021: Phó phòng kế toán Công ty CP Dệt may 29/3)

Từ 05/2021 - nay: Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán Công ty CP Dệt may 29/3

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu: 5.312 cổ phần, chiếm 0,1% tổng số cổ phần đang lưu hành.



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Những thay đổi nhân sự:

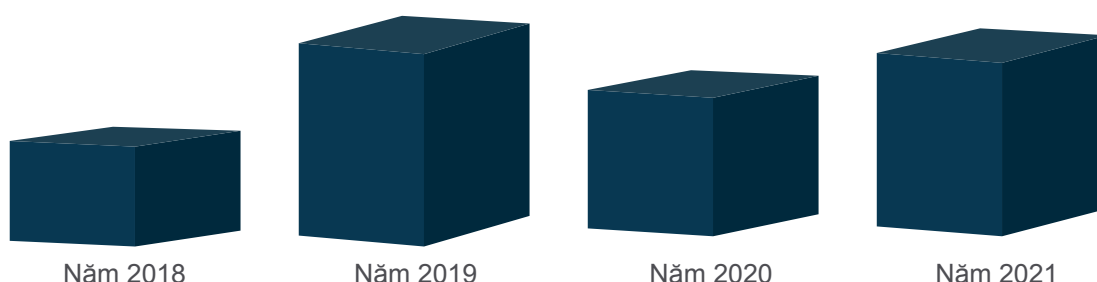
- 26/04/2021: Miễn nhiệm chức doanh kế toán trưởng đối với Ông Đặng Văn Trường (Số 02 QĐ-HĐQT)
- 26/04/2021: Bổ nhiệm chức danh kế toán trưởng đối với Bà Nguyễn Thị Kim Liên (Số 03 QĐ-HĐQT)

Cơ cấu lao động tại 31/12/2021

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
I	Theo trình độ	3.408	100,00%
1	Đại học, trên đại học	158	4,64%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	46	1,35%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	1	0,03%
4	Lao động phổ thông	3.203	93,98%
II	Theo đối tượng lao động	3.408	100,00%
1	Lao động trực tiếp	2.887	84,71%
2	Lao động gián tiếp	521	15,29%
II	Theo giới tính	3.408	100,00%
1	Nam	639	18,75%
2	Nữ	2.769	81,25%

Tiền lương bình quân của người lao động qua các năm (Triệu đồng/Người/Tháng)

Năm	Đơn vị	Mức lương
2018	Triệu đồng/người/tháng	8,24
2019	Triệu đồng/người/tháng	8,52
2020	Triệu đồng/người/tháng	8,45
2021	Triệu đồng/người/tháng	8,50



Chính sách đối với người lao động:

Năm qua, Công ty đã thực hiện việc đóng các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trích nộp kinh phí công đoàn đầy đủ cho tất cả CB-CNLĐ làm việc tại Công ty. Trạm Y tế Công ty duy trì khám chữa bệnh ban đầu theo thẻ bảo hiểm y tế, góp phần chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người lao động. Công ty tiếp tục phục vụ bữa ăn ca tại chỗ cho người lao động với chất lượng ngày càng được cải thiện, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm. Trong năm, Công ty thường xuyên tặng quà cho người lao động vào các ngày lễ, tết, kỷ niệm ngày thành lập Công ty, sinh nhật của người lao động; phụ cấp cho nữ công nhân đang nuôi con nhỏ. Người lao động có hoàn cảnh khó khăn đột xuất, rủi ro,... luôn được Công ty trợ cấp kịp thời.

Vào dịp cuối năm 2021 và đón Tết Nhâm Dần 2022, Công ty đã tặng thưởng lương tháng 13 cho người lao động khi đủ 12 tháng làm việc, với mức bình quân gần 08 triệu đồng/người. Công ty đã sắp xếp nghỉ sản xuất tổng cộng 11 ngày liên tục để những công nhân ở xa có điều kiện về quê ăn Tết, đoàn tụ cùng với gia đình.

Công tác đoàn thể - xã hội:

Song song với nhiệm vụ sản xuất-kinh doanh, hoạt động đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty luôn được chú trọng. Đặc biệt, Công đoàn cơ sở Công ty đã có nhiều chương trình hoạt động phối hợp với chính quyền quan tâm đến đời sống công nhân lao động, đảm bảo đủ việc làm và giúp người lao động ổn định thu nhập, an tâm tư tưởng làm việc lâu dài tại Công ty.

Năm 2021, Đảng bộ Công ty được Đảng ủy Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng khen thưởng là cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tiêu biểu trong năm 2021. Cả 03 đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội Cựu chiến binh trong Công ty năm qua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình và được cấp trên khen thưởng.

Công tác xã hội - từ thiện được Công ty tiếp tục thực hiện tích cực như phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, hỗ trợ xây nhà cho gia đình đặc biệt khó khăn, ủng hộ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đóng góp Quỹ Vì người nghèo, cứu trợ thiên tai và các hoạt động xã hội khác. Tổng số tiền Công ty thực hiện công tác xã hội trong năm 2021 với số tiền trên 01 tỷ đồng.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Những thuận lợi và khó khăn trong năm 2021

Khó khăn:

Trong năm 2021, làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 bùng phát dữ dội, lây lan nhanh ra toàn cầu và trên khắp cả nước, ảnh hưởng mọi mặt đến sự phát triển kinh tế-xã hội, khiến hệ thống y tế rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng; riêng đối với ngành Dệt may được nhận định là ngành hàng tiếp tục chịu ảnh hưởng trực tiếp từ đại dịch, thời gian giãn cách xã hội kéo dài, các hoạt động xuất khẩu bị ngưng trệ; kéo theo đó, hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty cũng đã gặp phải nhiều khó khăn cụ thể như sau:

- Số lượng đơn hàng đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất nhưng nhiều chủng loại mặt hàng giá gia công thấp hơn năm trước từ 10-15%.
- Từ tháng 5 đến tháng 9 năm 2021, thành phố Đà Nẵng tái bùng phát dịch Covid-19, Công ty phải thực hiện giãn cách xã hội, nhiều công nhân phải thực hiện cách ly y tế tại nhà theo yêu cầu của chính quyền, của Trạm Y tế Công ty vì là đối tượng có nguy cơ cao nên có ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của người lao động. Đặc biệt, trong thời gian từ cuối tháng 7/2021 đến đầu tháng 9/2021, khi Công ty có 01 cán bộ nghiệp vụ là F0, gần 60 cán bộ chủ chốt từ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc đến các Giám đốc Xí nghiệp, Trường, phó các phòng ban, cán bộ nghiệp vụ... là đối tượng F1 phải cách ly y tế tập trung 14 ngày; Công ty phải thực hiện phương án sản xuất “3 tại chỗ” theo yêu cầu phòng, chống dịch của Thành phố nên chi phí sản xuất tăng cao, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Lao động nghỉ việc, bỏ việc nhiều do dịch chuyển về địa phương để làm việc và tránh dịch (nghỉ việc, bỏ việc 785 lao động nhưng chỉ tuyển dụng được 519 lao động; trong đó: Đà Nẵng 255 lao động, Duy Trung 264 lao động, tổng số lao động giảm 7,47% so với cùng kỳ). Lao động có nghề may ngày càng khó tuyển dụng để đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất kể cả tại Xí nghiệp may Duy Trung, Quảng Nam.



Thuận lợi:

Có sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Hội đồng quản trị đề ra những chủ trương, giải pháp linh hoạt góp phần tháo gỡ những khó khăn. Đơn hàng Veston có sự hồi phục nhẹ, khách hàng đang có xu hướng trở lại đặt hàng giúp Công ty tiêu thụ hàng thành phẩm và nguyên, phụ liệu tồn kho. Với việc kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, các nước dần mở cửa trở lại, nhu cầu hàng hóa xuất khẩu trên thị trường thế giới tăng; đồng thời, đón đầu khai thác và tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do FTA thế hệ mới, giúp tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới, nâng cao tính cạnh tranh, thúc đẩy kim ngạch xuất nhập khẩu tiếp tục gia tăng và tạo nhiều cơ hội. Mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, các hoạt động sản xuất kinh doanh có lúc bị ngưng trệ, nguồn nguyên, phụ liệu bị đứt gãy, chi phí sản xuất tăng cao tương tự như khó hoàn thành đơn hàng. Tuy nhiên, với truyền thống giữ vững uy tín với khách hàng, Ban Lãnh đạo đã tìm mọi giải pháp để lãnh đạo, chỉ đạo nhằm thích ứng an toàn, hiệu quả, vượt qua mọi khó khăn nên Công ty vẫn đảm bảo giao hàng đúng tiến độ giữ được lòng tin của khách hàng; do đó, trong năm qua Công ty đã ký kết đủ đơn hàng, đáp ứng nhu cầu sản xuất may mặc của cả năm 2021.

Kết quả đạt được:

Hoạt động sản xuất tại Công ty trong năm qua dù có lúc bị gián đoạn do dịch bệnh nhưng với quyết tâm phải duy trì sản xuất, tạo việc làm cho người lao động và giữ được khách hàng, Ban Lãnh đạo Công ty đã có nhiều giải pháp để thực hiện phòng, chống dịch tốt và ổn định sản xuất; cùng với sự hưởng ứng nhiệt tình của từng CB-CNLĐ, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đạt được như sau:

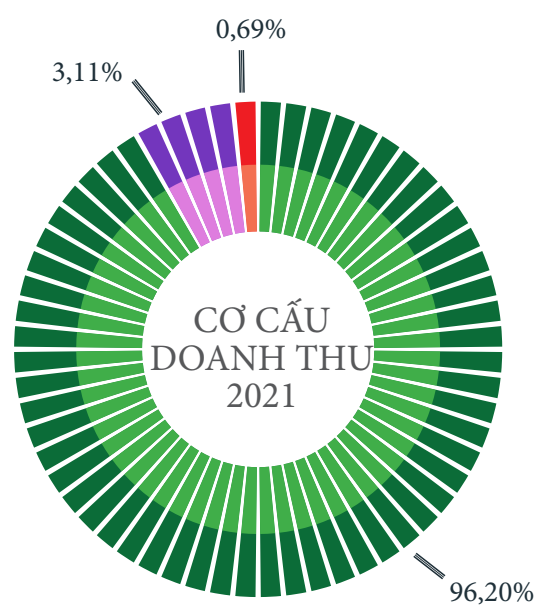
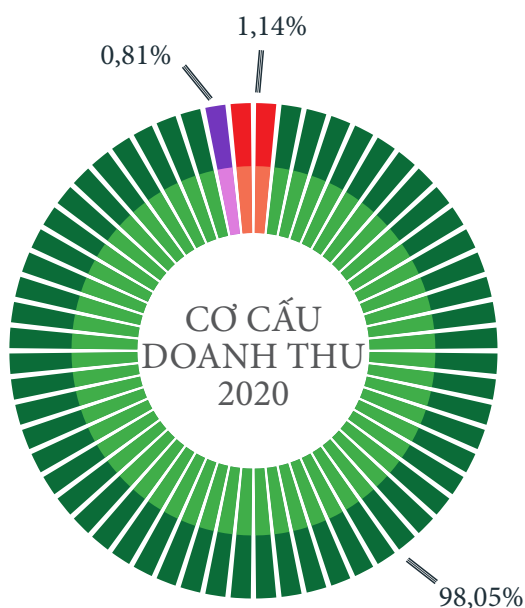
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020	% Tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	757.895	840.978	110,97%	10,97%
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	678.439	756.786	111,55%	11,55%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	8.019	13.548	168,95%	68,95%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	49.433	64.589	130,7%	30,7%
5	Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	11.254	8.575	76,20%	-23,80%
6	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.157	6.528	851,86%	751,86%
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12.021	15.104	125,65%	25,65%
8	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.923	12.292	123,88%	23,88%

Đối mặt với những khó khăn và thách thức từ việc thực hiện chính sách “3 tại chỗ” và các áp lực lớn từ nhân hàng, HCB đã nỗ lực, triển khai các biện pháp phù hợp với tình hình kinh tế và mang lại kết quả kinh doanh tích cực. Cụ thể, hoạt động kinh doanh trong năm mang về cho HCB 840,97 tỷ đồng doanh thu, tăng 10,97% so với năm 2020, đạt 103,85% kế hoạch đề ra; Lợi nhuận trước thuế đạt 15,104 tỷ đồng, tăng 25,65% so với cùng kỳ năm trước, đạt 100,67% kế hoạch đề ra. Đặc biệt, trong năm lợi nhuận khác của Công ty tăng 751,86% so với năm 2020 đạt 6,53 tỷ đồng. Tóm lại, với điều kiện môi trường khó khăn đối với Công ty, HCB vẫn nỗ lực và hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	ĐVT	01/01/2020 - 31/12/2020		01/01/2021 - 31/12/2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Ngành Dệt	Triệu đồng	8.633	1,14%	5.787	0,69%
Ngành May	Triệu đồng	743.122	98,05%	809.038	96,20%
Hàng hóa, khác	Triệu đồng	6.139	0,81%	26.151	3,11%
Tổng cộng	Triệu đồng	757.895	100,00%	840.987	100,00%



Doanh thu ngành dệt



Doanh thu ngành may



Doanh thu hàng hoá, khác

Kim ngạch xuất khẩu

Khoản mục	01/01/2020 - 31/12/2020		01/01/2021 - 31/12/2021	
	Giá trị (USD)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (USD)	Tỷ trọng (%)
Hoa Kỳ	35,280,208	54.59%	28,922,213	38.73%
EU	25,939,416	40.14%	33,932,868	45.44%
GREAT BRITAIN	1,004,337	1.55%	1,607,663	2.15%
Khác	2,402,976	3.72%	10,211,061	13.67%
Tổng cộng	64,626,937	100,00%	74,673,805	100,00%

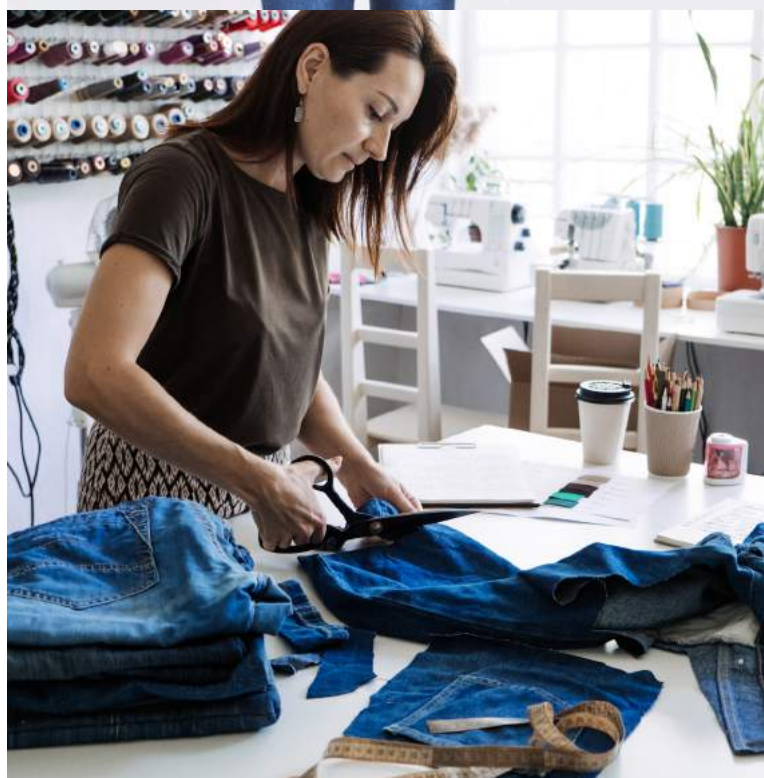
Năm 2021, tình hình dịch Covid-19 trên thế giới và Việt Nam vẫn diễn biến rất phức tạp, khó lường; đặc biệt, biến chủng mới Covid-19 lần lượt xuất hiện tiềm ẩn nhiều nguy cơ lây lan nhanh ra toàn cầu và xuất khẩu hàng dệt may chịu nhiều áp lực vì sự cạnh tranh đối với các nước trong khu vực. Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của HCB vẫn mang lại kết quả tích cực. Cụ thể, thị trường xuất khẩu mang về cho Công ty 74,67 triệu USD, tăng 15,55% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, ngành may chiếm tỷ trọng lớn nhất với 96,20% giá trị doanh thu, mang về cho HCB 809.038 triệu đồng năm 2021, tăng 8,87% so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh thu ngành dệt trong năm giảm từ 8.633 triệu đồng năm 2020 xuống còn 5.787 triệu đồng năm 2021, tức giảm 32,97% so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này được giải thích vì Công ty hoạt động theo chủ trương “sản xuất xanh”, xây dựng thành phố môi trường của Đà Nẵng, HĐQT đã chỉ đạo giảm dần sản lượng dệt khăn, ngừng nhuộm các màu đậm để giảm lượng hóa chất phát thải ra môi trường và thanh lý dần các thiết bị dệt đã hết khấu hao, không đạt yêu cầu chất lượng. Công ty đã xây dựng lộ trình phấn đấu đến năm 2025 trở thành Công ty đạt tiêu chí sản xuất xanh của Tổ chức môi trường xanh Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng và chủ trương của Thành phố. Qua đây có thể thấy, dù phải đối mặt với những khó khăn và thử thách đổi mới, Công ty Cổ phần Dệt May 29/3 vẫn nỗ lực, triển khai các giải pháp phù hợp với tình hình kinh tế thị trường và mang lại kết quả kinh doanh tích cực.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2021 với số tiền 15 tỷ đồng. Tổng giá trị đầu tư năm 2021 là 12,08 tỷ đồng đạt 80,54% so với kế hoạch đề ra.



**KẾ HOẠCH CỦA ĐHĐCĐ:
15.000.000.000 Đ**



**Thực hiện năm 2021:
12.081.004.809 đ**



**Công ty Cổ phần Dệt May
29/3**

**Hoàn thành
80,54% kế hoạch
năm**



**Hướng đến phát triển bền
vững**

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	716.489	678.761	97,73%	-5,27%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	757.895	840.978	110,97%	10,97%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	8.019	13.548	168,95%	68,95%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	11.254	8.575	76,20%	-23,80%
5	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.157	6.528	851,86%	751,86%
6	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12.021	15.104	125,65%	25,65%
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.923	12.292	123,88%	23,88%



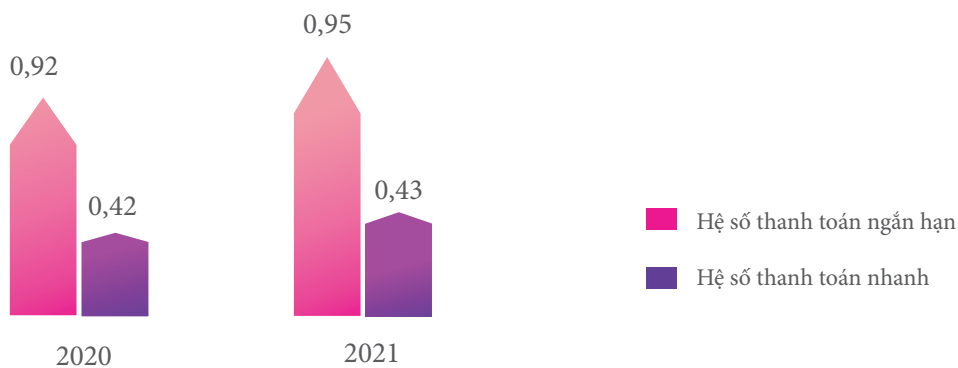
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,92	0,95
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,42	0,43
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	81,86%	80,17%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	451,25%	404,35%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,54	2,93
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,99	1,21
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,31%	1,46%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,34%	9,29%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,30%	1,76%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,48%	1,02%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

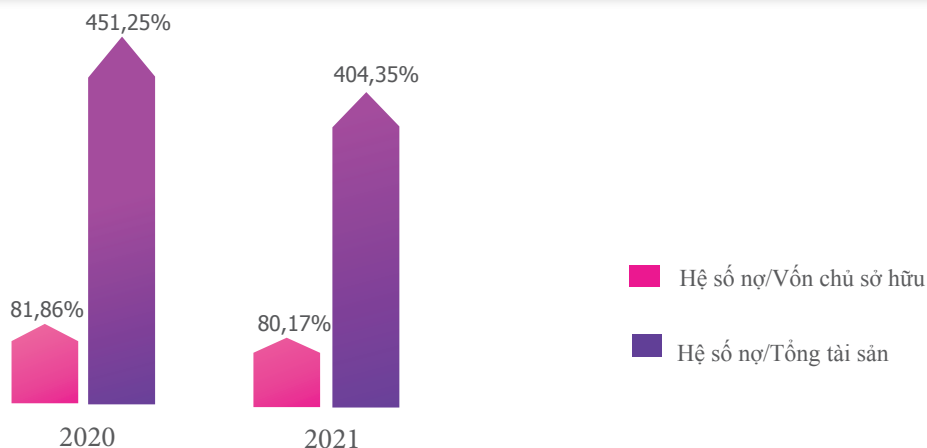
Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều tăng, cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,92 lần lên 0,95 lần; hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,42 lần lên 0,43 lần. Nguyên nhân là do trong năm, nợ ngắn hạn của Công ty giảm 4,87% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó, mức giảm chủ yếu đến từ nợ vay ngắn hạn giảm 19,86%, tương ứng 81,45 tỷ đồng theo chủ trương giảm đòn bẩy tài chính của Công ty nhằm duy trì sự an toàn tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán.



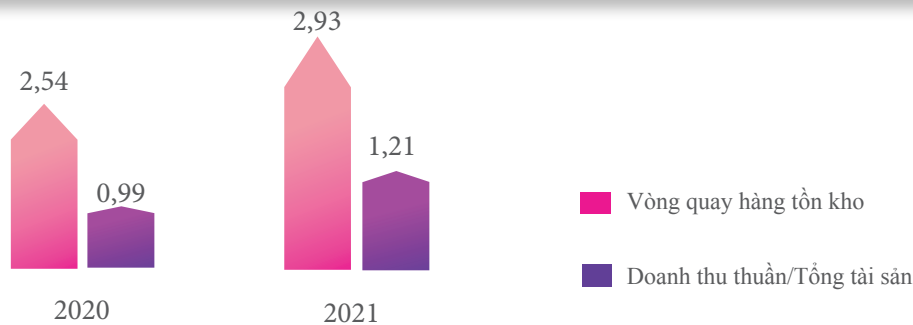
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm qua không biến động nhiều khi cả hai Hệ số Nợ/ Tổng tài sản và Hệ số nợ/ Vốn chủ ở hữu đều giảm nhẹ so với cùng kì, lần lượt giảm từ 81,86% xuống 80,17% và 451,25% xuống 404,35%. Trong năm qua, HCB đã thành công hạ tỷ trọng nợ trong cơ cấu vốn của Công ty xuống còn 80,2% tổng nguồn vốn từ 81,9% tổng nguồn vốn năm 2020, trong đó nợ phải trả và tổng tài sản giảm tương ứng 7,22% và 2,54% so với cùng kỳ, ngược lại vốn chủ sở hữu tăng 3,54% so với năm 2020. Qua đó có thể thấy, Công ty đã sử dụng đòn bẩy tài chính hiệu quả trong khi đang thu hẹp các khoản nợ vay.



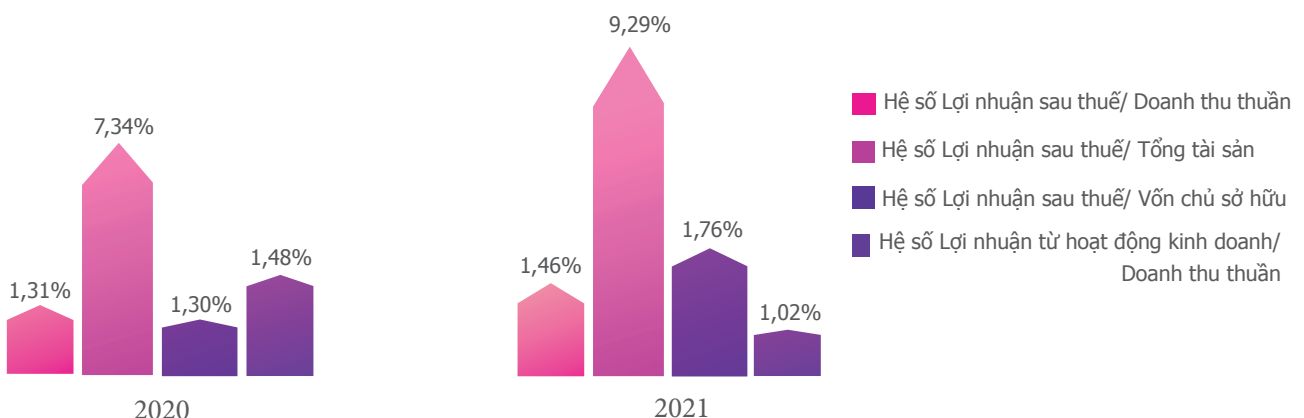
Chỉ tiêu năng lực hoạt động

Trong năm, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,54 vòng lên 2,93 vòng, nguyên nhân là do giá vốn hàng bán tăng 11,55% so với cùng kỳ năm 2020 trong khi chỉ tiêu hàng tồn kho giảm 1,30% so với cùng kỳ năm ngoái. Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,99 vòng lên 1,21 vòng, mức tăng đến từ chỉ tiêu doanh thu thuần của Công ty tăng 10,96% so với năm 2020, điều này phản ánh hoạt động kinh doanh của Công ty diễn biến tích cực.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng so với cùng kỳ năm trước, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân và Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân tăng tương ứng từ 7,34% lên 9,29% và 1,30% lên 1,76%. Nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế trong năm tăng 23,88% so với cùng kỳ năm 2020. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 1,31% lên 1,46% được giải thích là do chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng mạnh hơn doanh thu thuần (tăng 10,96%). Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giảm từ 1,48% xuống 1,02%; nguyên nhân là do mức tăng của doanh thu thuần bé hơn mức giảm của lợi nhuận thuần, điều này được giải thích vì bên cạnh giá vốn hàng bán tăng 11,55% (tăng mạnh hơn doanh thu thuần), Công ty còn chịu sức tăng đến từ chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp; tức tăng 30,7% so với cùng kỳ năm 2020 đã bào mòn biên lợi nhuận gộp của Công ty.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU



Cổ phiếu của Công ty

Vốn điều lệ	: 51.992.740.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	: 5.199.274 cổ phiếu
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông	: 5.199.274 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi	: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 5.199.274 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2021

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Cổ đông trong nước	381	5.199.274	100,00%
<i>Tổ chức</i>	<i>1</i>	<i>18.820</i>	<i>0,36%</i>
<i>Cá nhân</i>	<i>380</i>	<i>5.180.454</i>	<i>99,64%</i>
Cổ đông nước ngoài	-	--	-
<i>Tổ chức</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cá nhân</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	381	5.199.274	100,00%



Danh sách cổ đông lớn tính đến ngày 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn			
1	Huỳnh Văn Chính	504.629	9,71%
2	Phạm Thị Xuân Nguyệt	552.500	10,63%
3	Lâm Trọng Lương	499.231	9,60%
4	Nguyễn Xuân Tùng	378.750	7,28%
5	Nguyễn Xuân Anh	324.625	6,24%
6	Nguyễn Đình Trường	308.000	5,92%
	Tổng cộng	2.259.735	49,38%



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2021, toàn ngành dệt may đã ghi nhận sự hồi phục tích cực, nhu cầu hàng dệt may phục hồi chủ yếu đến từ tăng trưởng nhu cầu tại thị trường Mỹ, trong khi đó các thị trường còn lại chưa phục hồi hoàn toàn. Theo ước tính của Bộ Công Thương và Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu toàn ngành cả năm đạt 40,9 tỷ USD tăng 16,8% so với năm 2020 và tăng 3,4% so với năm 2019. Kim ngạch xuất khẩu mảng dệt may năm 2021 đạt 32,5 tỷ USD (chiếm 79% giá trị toàn ngành), tăng 9,1% so với năm 2020, nhưng giảm nhẹ 0,9% so với năm 2019.

Năng lực sản xuất bị gián đoạn trong quý 3/2021 do giãn cách xã hội, trong đó các doanh nghiệp cắt may chịu tác động nặng nề nhất do sử dụng nhiều lao động trong sản xuất, bên cạnh đó còn phải chịu thêm các chi phí xét nghiệm, quản lý,... làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Để vượt qua giai đoạn khó khăn và duy trì quy trình hoạt động hiệu quả, không bị gián đoạn, Ban lãnh đạo Công ty luôn đưa ra các kế hoạch cũng như giải pháp tối ưu để phòng ngừa các rủi ro tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với những nỗ lực của Ban lãnh đạo và đội ngũ người lao động cùng nhau vượt qua khó khăn chung, kết quả kinh doanh của HCB năm 2021 đều vượt kế hoạch đề ra như sau:

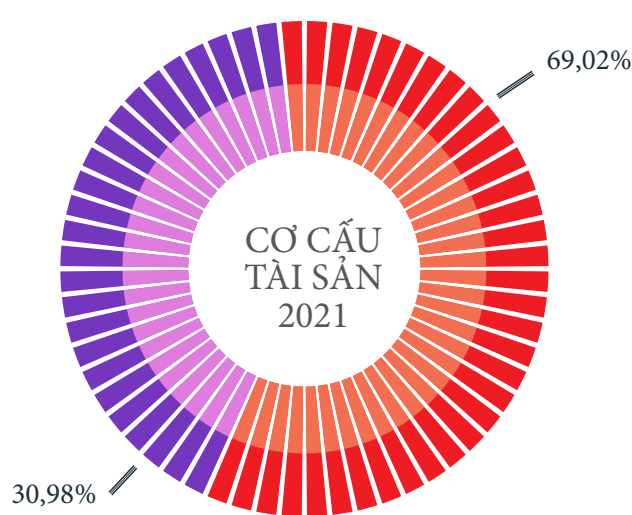
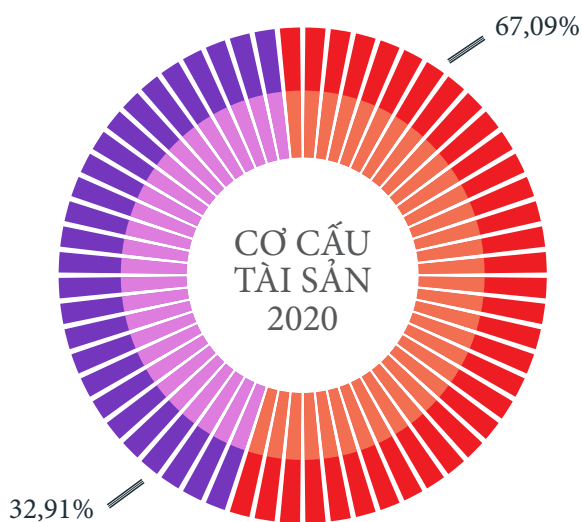
- Tổng doanh thu đạt: 841,20 tỷ đồng/810 tỷ đồng KH, bằng 103,85% kế hoạch và 110,99% cùng kỳ năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 15,1 tỷ đồng/15 tỷ đồng KH, bằng 100,67% kế hoạch và 125,62% cùng kỳ năm 2020.
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến là 15% bằng 150% cùng kỳ năm 2020.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản tại 31/12/2021:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	480.713	468.486	97,46%	67,09%	69,02%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	235.777	210.275	89,18%	32,91%	30,98%
Tổng tài sản	Triệu đồng	716.490	678.762	94,73%	100,00%	100,00%

Tổng tài sản năm 2021 đạt 678.762 triệu đồng, bằng 94,73% và giảm 5,27% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn chiếm lần lượt 67,09% và 32,91% tổng cơ cấu tài sản. Trong năm 2021, cả hai chỉ tiêu tài sản đều giảm so với năm 2020; cụ thể, tài sản ngắn hạn giảm từ 480.713 triệu đồng xuống còn 468.486 triệu đồng, tức giảm 2,54%, tài sản dài hạn giảm từ 235.777 triệu đồng xuống 210.275 triệu đồng, tức giảm 10,82%. Qua đó cho thấy tài sản dài hạn giảm mạnh hơn tài sản ngắn hạn, cụ thể là do khấu hao tài sản cố định trong năm tăng 13,00% so với cùng kỳ năm ngoái.



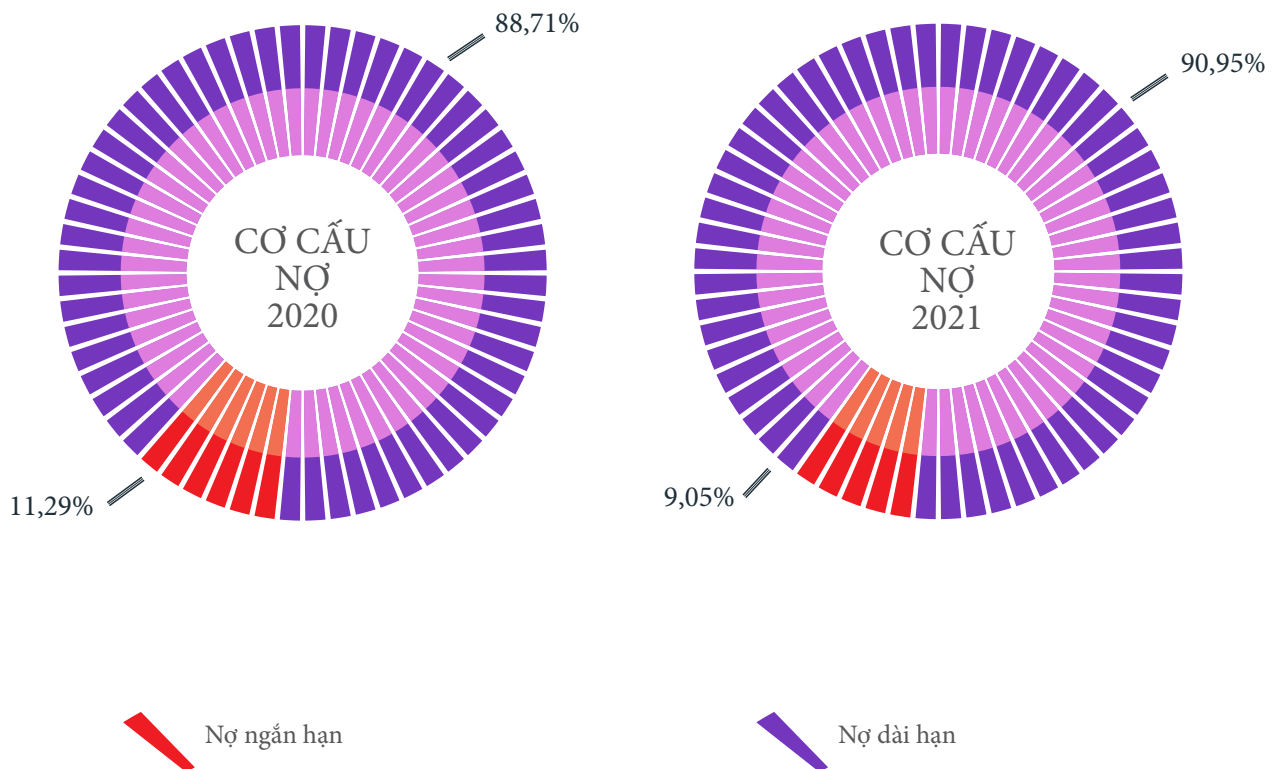
Tài sản ngắn hạn

Tài sản dài hạn

Tình hình nợ phải trả tại 31/12/2021:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021	TH 2021/TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	520.288	494.947	95,13%	88,71%	90,95%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	66.226	49.232	74,34%	11,29%	9,05%
Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	586.514	544.179	92,78%	100,00%	100,00%

Tổng nợ phải trả năm 2021 giảm 7,22% tương ứng 42.334 triệu đồng. Trong đó, nợ ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ vay của Công ty, chiếm 95,13% từ 88,71% năm 2020; nguyên nhân là trong năm tỷ lệ nợ dài hạn giảm mạnh hơn nợ ngắn hạn. Cụ thể, nợ dài hạn giảm 25,66% so với cùng kỳ năm 2020, từ 66.226 triệu đồng xuống còn 49.232 triệu đồng; nợ ngắn hạn giảm 7,22% so với cùng kỳ năm 2020, từ 520.288 triệu đồng xuống còn 494.947 triệu đồng. Đóng góp trong sự sụt giảm này là do trong năm Công ty đã trả bớt nợ vay dài hạn, tương ứng 38,43% so với cùng kỳ năm năm trước. Như vậy, với chủ trương giảm bớt gánh nặng tài chính, HCB đã thành công giảm bớt nợ vay và sử dụng đòn bẩy một cách hiệu quả.





Trong năm 2021, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Chi nhánh của Công ty vẫn hoạt động ổn định, đạt hiệu quả tốt khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

- Bổ sung nhân sự và nâng cao hoạt động cải tiến của Ban Cải tiến Công ty và các Xí nghiệp theo chương trình cải tiến Công ty, tập trung vào Xí nghiệp may Duy Trung và Xí nghiệp Veston 1, Xí nghiệp Veston 2 để nâng cao hiệu quả quản lý, tăng năng suất, chất lượng và giảm thời gian chuyển đổi mã hàng.
- Tăng cường tuyển dụng và đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật cho các Xí nghiệp may. Tăng mức thưởng chuyên cần lên 800.000đ/tháng, theo dõi và phát thanh tin thi đua hàng tuần cho các Xí nghiệp để động viên người lao động phấn đấu tăng năng suất và thu hút lao động mới.
- Sắp xếp và tăng cường cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp (Bổ nhiệm 01 Kế toán trưởng, 01 Phó phòng Kỹ thuật công nghệ may).
- Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh: Thực hiện tốt Thông điệp 5K của Bộ Y tế: đo thân nhiệt, khử khuẩn, bảo đảm giãn cách trong sản xuất, trong ăn ca, hạn chế tập trung đông người, khai báo y tế, theo dõi đối tượng cách ly, nguy cơ cao. Tổ chức tốt sản xuất “3 tại chỗ”, người lao động cam kết thực hiện 2 điểm đến 01 cung đường... không để dịch bệnh lây lan vào Công ty và người lao động yên tâm sản xuất. Phối hợp với Sở Y tế, CDC Đà Nẵng tổ chức tiêm vaccine đầy đủ cho người lao động. Tổ chức công tác xét nghiệm sàng lọc Covid-19 cho người lao động theo quy định của Thành phố trong thời gian giãn cách, chi phí xét nghiệm do Công ty chi trả.
- Hoàn thiện các biện pháp kiểm soát các chỉ số môi trường xanh về nước thải, khí thải, xử lý rác thải... phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn của khách hàng về trách nhiệm xã hội, môi trường, đạt các tiêu chuẩn đánh giá nhà cung ứng của khách hàng và đánh giá tiêu chí môi trường của cơ quan quản lý môi trường thành phố.
- Thông qua bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế quản trị nội bộ Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Bộ Tài Chính được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Đầu tư xây dựng phần mềm Bravo 8 để đáp ứng yêu cầu quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dự báo tình hình:

Ngành dệt may Việt Nam được dự báo trong năm 2022 sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt với kỳ vọng kim ngạch xuất khẩu đạt 42,5 – 43,5 tỷ USD nhờ vào các chính sách chống dịch linh hoạt của Chính Phủ giúp cho sản xuất nội địa ổn định cùng với sự hồi phục của lực lượng lao động. Nhu cầu hàng dệt may thế giới được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng theo đà phục hồi của kinh tế. Bên cạnh đó, các Hiệp định Thương mại Tự do sẽ hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam.

Theo Hiệp định RCEP có hiệu lực vào ngày 01/01/2022, tạo điều kiện cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản cùng với Hiệp định EVFTA hỗ trợ giảm thuế nhập khẩu từ 8% xuống 6% sẽ giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam có thêm nhiều cơ hội để mở rộng thị phần xuất khẩu. Song tín hiệu tích cực trên, hiện nay HCB đã nhận đủ đơn hàng đến hết Quý III/2022, vì vậy, Công ty kỳ vọng năm 2022 sẽ là một năm sản xuất thắng lợi và hoàn thành mục tiêu xuất khẩu được đề ra.

Bên cạnh những điểm sáng của năm 2022, những rủi ro từ dịch bệnh vẫn luôn hiện hữu. Mặc dù đơn hàng nhiều nhưng khách hàng yêu cầu cao về chất lượng; trong khi đơn giá giảm nên chỉ bảo đảm trả lương cho công nhân, hiệu quả thấp và đòi hỏi đào tạo nâng cao năng lực công nhân, tăng cường công tác quản lý chất lượng, cải tiến sản xuất. Các chi phí đầu vào về nguyên, phụ liệu; chi phí vận chuyển, chi phí sản xuất ngày càng cao do nguồn cung bị hạn chế; đồng thời, tình trạng thiếu container và tình hình lạm phát trên thế giới gia tăng,... đây là những khó khăn mà Công ty phải đối mặt trong năm 2022.

Ngoài ra, tình hình dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam tuy cơ bản được kiểm soát nhưng còn diễn biến phức tạp, khó lường nên việc thu hút, tuyển dụng lao động gặp nhiều khó khăn do người lao động chưa muốn quay về thành phố làm việc; số ca nhiễm Covid-19 tại Công ty tăng cao dẫn đến thiếu hụt lao động trở thành vấn đề nan giải. Lao động có tay nghề không tuyển dụng đủ cho nhu cầu sản xuất nên ảnh hưởng đến năng lực sản xuất của các Xí nghiệp.

Đáng chú ý, Xung đột giữa Nga - Ukraine kéo dài, các nước Châu Âu và Mỹ áp dụng các lệnh trừng phạt nhằm vào Nga sẽ làm cho thị trường quốc tế thêm nhiều biến động và có những tác động gián tiếp đến ngành dệt may Việt Nam. Cuộc xung đột dự đoán có thể làm chuỗi cung ứng hàng hóa đứt gãy, giá xăng dầu tăng cao, lạm phát tăng ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng và hoạt động xuất nhập khẩu tại Việt Nam đi các thị trường châu Âu; đặc biệt, kéo theo đó là giá nguyên, phụ liệu phục vụ sản xuất và giá cước vận chuyển các đơn hàng tăng, khả năng lưu thông hàng hóa khó khăn, gián đoạn; tiến độ giao, nhận hàng và thanh toán các hợp đồng chậm trễ...

Vì vậy, để hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, HCB luôn hoạt động với tiêu chí vừa chống dịch bệnh song vừa đảm bảo hoạt động sản xuất không bị đứt gãy. Hội đồng quản trị cần chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2022 :

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, các đơn hàng đã đàm phán, ký kết với khách hàng và dự đoán nhu cầu thị trường, Ban Điều hành dự kiến các chỉ tiêu sản xuất-kinh doanh chủ yếu năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	KH 2022	So sánh
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	841,20	865	102,83%
Tổng đầu tư	Tỷ đồng	11,6	20	172,41%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,1	18,5	122,52%
Lao động bình quân	Người	3.472	3.675	105,85%
Thu thập bình quân	Triệu đồng/ người/ tháng	8,5	8,75	103,00%
Tỷ lệ cổ tức/VLĐ	%	15	10 - 15	100,00%

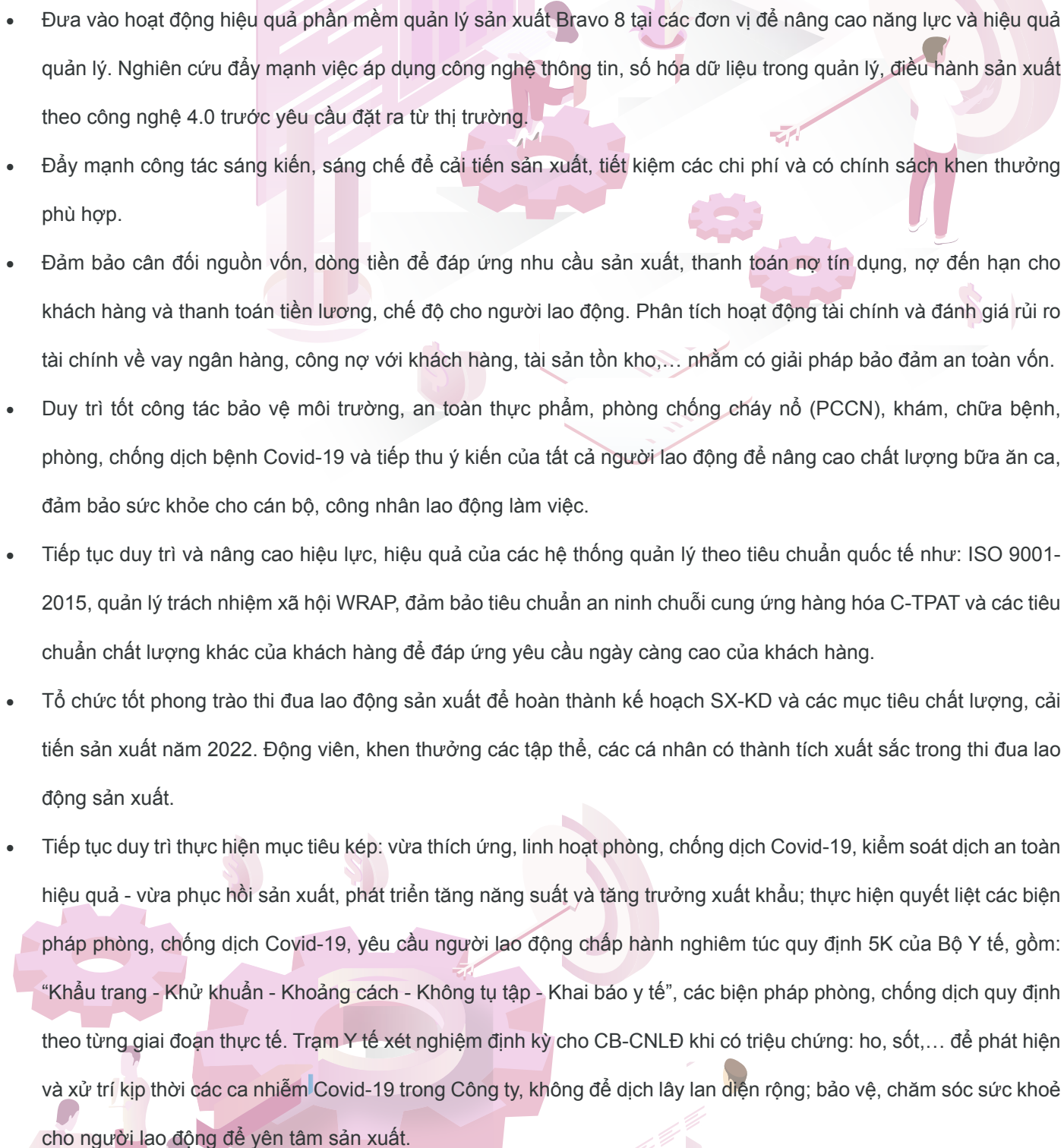


KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Một số giải pháp cơ bản để thực hiện kế hoạch:

Để thực hiện tốt kế hoạch được giao trong năm 2022, cũng như khắc phục những khó khăn, tận dụng tối đa mọi cơ hội, dưới đây là một số giải pháp mà Công ty đưa ra để ổn định sản xuất và đảm bảo mức tăng trưởng:

- Theo yêu cầu sản xuất xanh từ khách hàng, bắt đầu từ năm 2018, Công ty đã từng bước cắt giảm sản xuất mặt hàng khăn bông và dự kiến đến năm 2023, Công ty sẽ chấm dứt hẳn sản xuất mặt hàng này. Ngoài ra, trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2023, Công ty sẽ tiếp tục xây dựng các cơ sở sản xuất tại 60 Mệ Nhu đạt các tiêu chí để được công nhận Nhà máy xanh, thân thiện với môi trường và tích cực áp dụng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành, sản xuất, kinh doanh.
- Nghiên cứu cải tiến đẩy mạnh năng suất lao động tại các Xí nghiệp nhằm bảo đảm kế hoạch được giao, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và bảo đảm mức thu nhập cho người lao động. Giám sát chặt chẽ công tác chuyển đổi mã hàng, giao năng suất và kiểm soát việc thực hiện định mức lao động của các chuyền để nâng cao trình độ quản lý, thực hiện tốt hơn quy trình chuyển đổi và tăng năng suất lao động.
- Tăng cường quản lý và duy trì tốt kỷ cương, kỷ luật lao động, thời gian, giờ giấc làm việc theo yêu cầu của công nghệ Lean để tăng hiệu quả sử dụng lao động, góp phần tăng năng suất tại các Xí nghiệp.
- Hoàn thành đúng tiến độ dự án Bravo 8 trong Quý II/2022 (tất cả các Phòng ban cho đến từng Xí nghiệp có trách nhiệm khẩn trương thực hiện).
- Để thu hút lượng lớn lao động về quê tránh dịch tìm kiếm cơ hội việc làm tại địa phương; Công ty sẽ tận dụng lại nhà xưởng cũ tại Duy Trung - Quảng Nam để cải tạo, nâng cấp, tuyển dụng và đào tạo lao động để tăng năng lực sản xuất thêm 07 chuyền may trong Quý II năm 2022. Và sau khi tuyển dụng đủ lao động và chính thức đưa vào hoạt động sản xuất tại 07 chuyền may, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư; mở rộng và xây dựng mới toàn bộ công trình Nhà máy may Duy Trung 2, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để công nhận thành Nhà máy xanh sau khi đưa vào vận hành công trình; dự kiến đến Quý II năm 2023, Nhà máy xanh Duy Trung 2 sẽ chính thức đưa vào vận hành toàn bộ công trình với năng lực sản xuất tăng thêm 20 chuyền may.
- Tổ chức đào tạo cán bộ dự nguồn các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp trung để bổ sung thay thế khi cán bộ đến tuổi nghỉ hưu và đào tạo lại kỹ năng chuyên môn cho cán bộ chuyền trưởng, kỹ thuật chuyền tại các Xí nghiệp.
- Thực hiện tốt công tác quyết toán nguyên, phụ liệu các đơn hàng nhất là đơn hàng FOB; cân đối quyết toán nhập - xuất - tồn nguyên, phụ liệu với khách hàng và Hải quan theo quy định. Kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho và có giải pháp xử lý hàng tồn kho kịp thời để thu hồi vốn kinh doanh.

- 
- Đưa vào hoạt động hiệu quả phần mềm quản lý sản xuất Bravo 8 tại các đơn vị để nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý. Nghiên cứu đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ thông tin, số hóa dữ liệu trong quản lý, điều hành sản xuất theo công nghệ 4.0 trước yêu cầu đặt ra từ thị trường.
 - Đẩy mạnh công tác sáng kiến, sáng chế để cải tiến sản xuất, tiết kiệm các chi phí và có chính sách khen thưởng phù hợp.
 - Đảm bảo cân đối nguồn vốn, dòng tiền để đáp ứng nhu cầu sản xuất, thanh toán nợ tín dụng, nợ đến hạn cho khách hàng và thanh toán tiền lương, chế độ cho người lao động. Phân tích hoạt động tài chính và đánh giá rủi ro tài chính về vay ngân hàng, công nợ với khách hàng, tài sản tồn kho,... nhằm có giải pháp bảo đảm an toàn vốn.
 - Duy trì tốt công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ (PCCN), khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và tiếp thu ý kiến của tất cả người lao động để nâng cao chất lượng bữa ăn ca, đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, công nhân lao động làm việc.
 - Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế như: ISO 9001-2015, quản lý trách nhiệm xã hội WRAP, đảm bảo tiêu chuẩn an ninh chuỗi cung ứng hàng hóa C-TPAT và các tiêu chuẩn chất lượng khác của khách hàng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
 - Tổ chức tốt phong trào thi đua lao động sản xuất để hoàn thành kế hoạch SX-KD và các mục tiêu chất lượng, cải tiến sản xuất năm 2022. Động viên, khen thưởng các tập thể, các cá nhân có thành tích xuất sắc trong thi đua lao động sản xuất.
 - Tiếp tục duy trì thực hiện mục tiêu kép: vừa thích ứng, linh hoạt phòng, chống dịch Covid-19, kiểm soát dịch an toàn hiệu quả - vừa phục hồi sản xuất, phát triển tăng năng suất và tăng trưởng xuất khẩu; thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, yêu cầu người lao động chấp hành nghiêm túc quy định 5K của Bộ Y tế, gồm: “Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tụ tập - Khai báo y tế”, các biện pháp phòng, chống dịch quy định theo từng giai đoạn thực tế. Trạm Y tế xét nghiệm định kỳ cho CB-CNLĐ khi có triệu chứng: ho, sốt,... để phát hiện và xử trí kịp thời các ca nhiễm Covid-19 trong Công ty, không để dịch lây lan diện rộng; bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho người lao động để yên tâm sản xuất.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

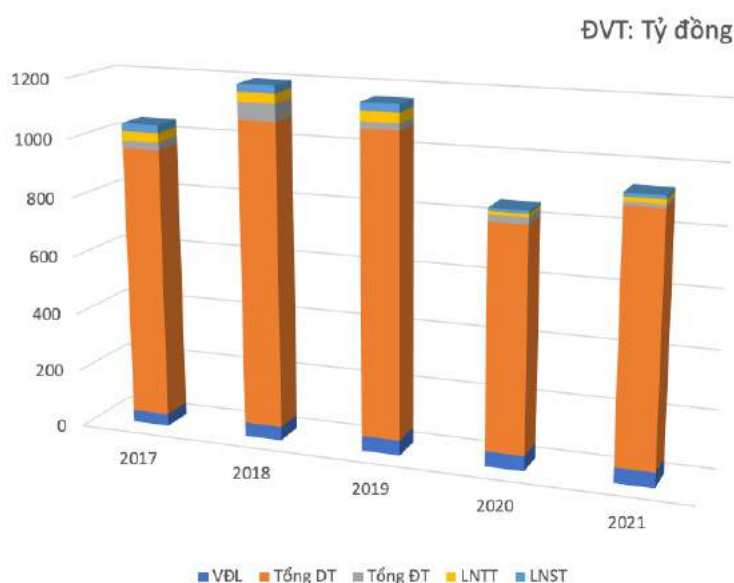
- Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT
- Đánh giá chung về kết quả đạt được nhiệm kỳ qua
- Đánh giá hoạt động của Ban điều hành
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA HĐQT

Nhiệm kỳ 2017-2021 của HĐQT đã thực hiện mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất, phát triển thương hiệu của Công ty. Trong những năm đầu của nhiệm kỳ, tình hình biến động bất ổn của kinh tế thế giới và Việt Nam đã ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty mà HĐQT đã đề ra. Chi phí sản xuất tăng liên tục, trong khi khách hàng yêu cầu giảm giá 5-10% so với năm trước, các đơn hàng dễ làm, yêu cầu chất lượng trung bình có xu hướng chuyển dịch dần sang các thị trường khác trong khu vực, thị trường nội địa giảm sút do kinh tế suy thoái... Trong bối cảnh đó, HĐQT Công ty đã ban hành nghị quyết định hướng đa dạng hóa thị trường, khách hàng để phân tán rủi ro, tăng cường công tác quản trị sản xuất, nâng cao năng lực điều hành của đội ngũ quản lý các cấp, kiểm soát chặt chẽ tồn kho để giảm tồn đọng vốn, tăng cường công tác tiết kiệm để giảm chi phí và cân bằng tỷ trọng các đơn hàng FOB/đơn hàng gia công một cách hợp lý để tăng hiệu quả sử dụng vốn và an toàn tài chính cho Công ty, áp dụng triệt để công nghệ Lean tăng năng suất lao động...đồng thời thực hiện tốt kế hoạch tín dụng, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn có lãi suất thấp, vốn ngoại tệ để giảm lãi vay ngân hàng. Trong điều kiện nguồn lực tài chính còn nhiều khó khăn, từ nhu cầu của khách hàng và định hướng phát triển dài hạn của Công ty, HĐQT Công ty đã quyết định mua cơ sở sản xuất dệt của Công ty TNHH dệt An Phú tại Cụm công nghiệp Tây An, Duy Xuyên, Quảng Nam để cải tạo lại nhà xưởng thành lập Chi nhánh công ty – Xí nghiệp may Duy Trung giai đoạn 1 với 18 chuyền may và trên 700 lao động đi vào sản xuất từ ngày 29/3/2018 nhân kỷ niệm 42 năm thành lập công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng quyết định mua lại 23.912m³ đất của Công ty may Hưng Hoàng Phát và Công ty mây, tre, gỗ Nhật Tân bên cạnh Xí nghiệp may Duy Trung để quy hoạch đầu tư Xí nghiệp may Duy Trung 2, cải tạo lại nhà xưởng để dự kiến đi vào hoạt động từ quý 2/2022 và tiếp tục đầu tư mở rộng trong giai đoạn 2022 – 2023 với quy mô 800 lao động, xây dựng xí nghiệp đạt tiêu chuẩn sản xuất xanh của Hội đồng công trình xanh Việt Nam và khách hàng. Đối với lĩnh vực dệt, HĐQT đã định hướng

thu hẹp dần sản xuất từ năm 2018, ngừng sản xuất khăn có màu đậm để giảm hóa chất phát thải ra môi trường và tiến tới ngừng sản xuất ngành hàng này tại Công ty trong năm 2022-2023 để phù hợp với chủ trương thành phố môi trường của Đà Nẵng và yêu cầu sản xuất xanh của khách hàng.

Trong hai năm cuối nhiệm kỳ, tình hình dịch bệnh Covid 19 bùng phát và lây lan trên toàn cầu ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản xuất. Các khách hàng thông báo ngừng sản xuất, không nhận hàng thành phẩm chuyển giao, chậm trả tiền hàng... Công ty bị thiếu hụt đơn hàng trầm trọng, tồn kho nguyên phụ liệu và thành phẩm, thiếu vốn kinh doanh. HĐQT đã chỉ đạo chuyển hướng sang sản xuất khẩu trang, hàng đồng phục y tế cho 2 xí nghiệp veston và một phần các xí nghiệp sản xuất hàng cho Châu Âu, chủ động tổ chức sản xuất theo mô hình 3 tại chỗ, thực hiện nhiều đợt giãn cách xã hội theo chỉ đạo của Thành phố, vừa sản xuất vừa chống dịch hiệu quả. Bằng nhiều giải pháp đúng đắn, linh hoạt của HĐQT và sự điều hành năng động của Ban giám đốc, tinh thần lao động nhiệt tình, có trách nhiệm của tập thể CBCNV và người lao động, Công ty đã từng bước vượt qua khó khăn và ổn định sản xuất, lấy lại đà tăng trưởng trong các năm sau.

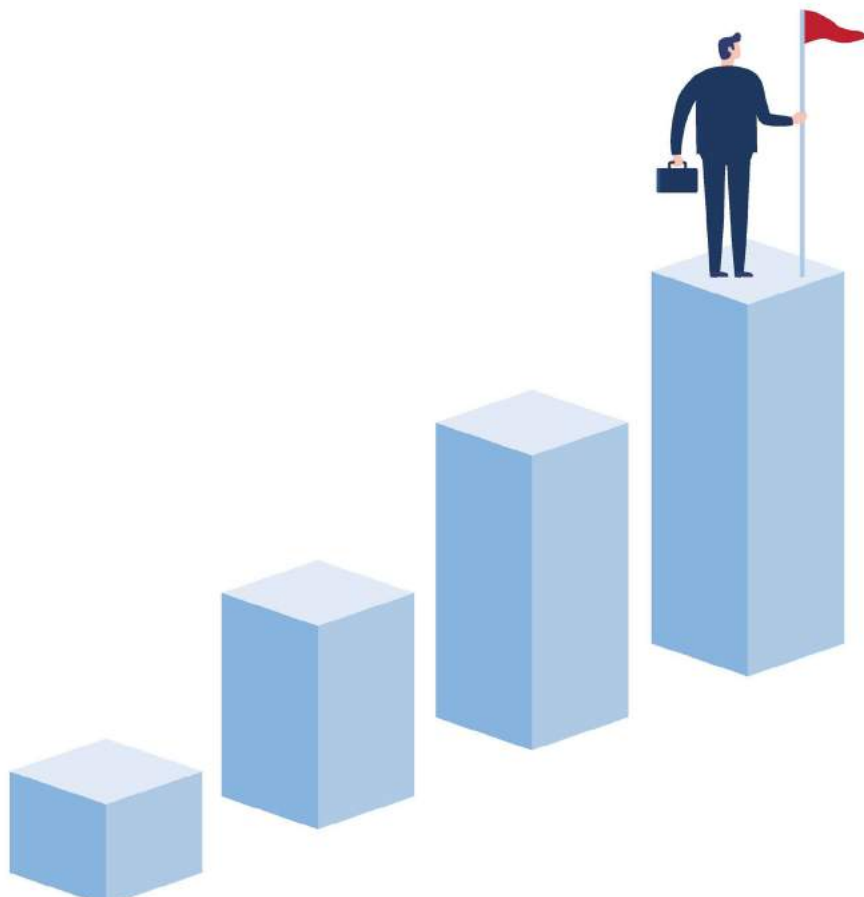


ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NHIỆM KỶ QUA

Trong nhiệm kỳ 2017-2021, HĐQT Công ty đã cơ bản hoàn thành những chỉ tiêu quan trọng mà Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm, bảo đảm đời sống cho CBCNV và cổ tức cho cổ đông. Vốn chủ sở hữu được nâng lên hàng năm, trong đó vốn điều lệ là 51,992 tỷ đồng. Bảo đảm việc sử dụng vốn cổ phần có hiệu quả, lợi nhuận được phân phối vào các quỹ hoạt động theo đúng quy định. Cổ tức chia cho cổ đông dù trong 2 năm dịch bệnh kéo dài giảm còn từ 10-15% nhưng trong cả nhiệm kỳ qua vẫn đạt mức bình quân 22,5%/năm đạt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua đầu nhiệm kỳ (từ 20%-30/năm). Tính đến thời điểm đại hội, Công ty vẫn bảo toàn vốn, không tồn tại bất cứ rủi ro tiềm ẩn nào.

- Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, chế độ kế toán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Xây dựng bộ máy hoạt động phù hợp với nhu cầu và lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Tuy vẫn còn những hạn chế về sản xuất kinh doanh do những yếu tố khách quan về dịch bệnh kéo dài, song HĐQT Công ty nhiệm kỳ qua cũng đã hoàn thành cơ bản trọng trách được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Thông qua Đại hội này, HĐQT trân trọng cảm ơn Ban Kiểm soát, Ban điều hành, quý vị cổ đông và toàn thể người lao động trong Công ty đã tin tưởng và hỗ trợ HĐQT Công ty hoàn thành tốt các chức trách của mình với mong muốn xây dựng một Công ty có thương hiệu mạnh và từng bước phát triển bền vững trên các lĩnh vực hoạt động kinh doanh.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động của Ban điều hành Công ty qua các báo cáo định kỳ, các văn bản của Ban điều hành gửi HĐQT, báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo của các bộ phận chức năng. Chỉ đạo, góp ý với Ban điều hành trong xử lý một số vấn đề quan trọng phát sinh trong sản xuất đồng thời thường xuyên thảo luận, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để tìm các giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn nhằm thực hiện tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Trong năm qua Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt trách nhiệm giám sát theo quy định của pháp luật đối với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc. Các thành viên Ban điều hành và bộ máy quản lý đã triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ đúng trách nhiệm trung thực, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích...theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật, phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT. Ban điều hành đã linh hoạt và sáng tạo trong quản lý, trong điều kiện dịch bệnh toàn cầu và khủng hoảng đơn hàng trầm trọng vẫn tìm được khách hàng mới, cơ cấu lại đơn hàng và tổ chức lại sản xuất, cân đối được nguồn vốn và dòng tiền, phòng chống dịch bệnh thành công, bảo đảm đủ việc làm và thu nhập cho người lao động, duy trì tốt hiệu quả các hệ thống quản lý và chế độ kế toán chuẩn mực, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị và công bố thông tin kịp thời theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Qua thẩm định dự thảo phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2022 của Tổng giám đốc trình Đại hội, Hội đồng quản trị thống nhất một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2022 đề nghị Đại hội phê duyệt như sau:

- Tổng doanh thu: 865 tỷ đồng
- Tổng đầu tư: 20 tỷ đồng.
- Thu nhập BQ: 8,75 triệu đồng/người/tháng
- Lợi nhuận trước thuế: 18,5 tỷ đồng
- Tỷ lệ cổ tức/VĐL: 10% - 15%



Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2022:

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty định hướng chỉ đạo Ban điều hành bám sát các chỉ tiêu SXKD mà Đại hội đồng cổ đông giao để phấn đấu thực hiện qua 1 số giải pháp chính như sau:

- Đầu tư Xí nghiệp may Duy Trung 2 (bên cạnh Xí nghiệp may Duy Trung 1) tại Cụm công nghiệp Tây An, Duy Xuyên với quy mô 800 lao động, đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh theo yêu cầu của khách hàng trong năm 2022- 2023.
- Tiếp tục đầu tư thêm các thiết bị chuyên dùng hiện đại, có năng suất cao để tăng năng suất lao động theo năng lực tài chính của Công ty và đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Áp dụng triệt để và có hiệu quả công nghệ sản xuất lean cho tất cả các hoạt động sản xuất tại Công ty.
- Thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca và chế độ phúc lợi khác cho người lao động để thu hút, tuyển dụng thêm nhân lực cho các xí nghiệp.
- Tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt để có lực lượng thay thế cho số cán bộ đã đến tuổi nghỉ hưu trong các năm tới.
- Đa dạng hóa thị trường, khách hàng và sản phẩm để ổn định sản xuất, phòng tránh rủi ro. Tiếp tục tìm kiếm những thị trường mới, khách hàng mới nhất là khách hàng sản xuất Veston để nâng cao hiệu quả sản xuất và đầu tư. Cân đối tỷ trọng các đơn hàng FOB/ đơn hàng gia công 1 cách hợp lý bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn và an toàn tài chính cho Công ty.
- Tăng cường công tác quản trị sản xuất và quản trị rủi ro, nâng cao năng lực chỉ đạo và điều hành của Ban điều hành các cấp trong đó chú trọng năng lực điều hành của Giám đốc XN trong chỉ đạo thực hiện công tác cải tiến nhằm nâng cao năng suất lao động và thực hiện tốt kế hoạch các đơn hàng được giao.
- Để phù hợp với chủ trương xây dựng thành phố môi trường của Đà Nẵng và yêu cầu “sản xuất xanh” của khách hàng toàn cầu, trong những năm qua, HĐQT đã chỉ đạo giảm dần sản lượng dệt khăn, ngừng nhuộm các màu đậm để giảm lượng hóa chất phát thải ra môi trường và thanh lý dần các thiết bị dệt đã hết khấu hao, không đạt yêu cầu chất lượng. Công ty đã xây dựng lộ trình phấn đấu đến năm 2025 trở thành Công ty đạt tiêu chí sản xuất xanh của Tổ chức môi trường xanh Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và chủ trương của Thành phố. Do vậy, Công ty sẽ tiếp tục giảm dần sản xuất và tiến tới chấm dứt hoạt động ngành dệt khăn bông sau khi thanh lý xong máy móc, thiết bị dệt đồng thời đổi tên Công ty là “ Công ty Cổ phần 29/3 Đà Nẵng” thay cho tên gọi hiện nay để thực hiện kinh doanh đa ngành nghề theo Luật doanh nghiệp



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Hiệu quả kinh tế
- Trách nhiệm với môi trường
- Trách nhiệm với cộng đồng địa phương
- Chính sách liên quan đến người lao động

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hiệu quả kinh tế:

Trong quá trình hình thành và phát triển, HCB luôn xác định được tầm quan trọng giữa tăng trưởng bền vững luôn đi đôi với lợi ích kinh tế thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Công ty. HCB luôn tăng cường tính minh bạch, đảm bảo lợi ích cho cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức đều hàng năm. Đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế cho TP.Đà Nẵng và cả nước. Đối với các mục tiêu đề ra, Ban lãnh đạo và toàn thể công nhân viên Công ty luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất, tìm kiếm cơ hội, nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng quy mô doanh nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Trách nhiệm với môi trường:

Công ty nhận thức được trách nhiệm đối với môi trường xung quanh. Vì thế, để đảm bảo được môi trường làm việc xanh – sạch và bảo vệ sức khỏe cho người lao động, HCB luôn tuân thủ các mục tiêu cụ thể như sau:

- Công ty luôn xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật nguyên nhiên liệu đầu vào.
- Công ty chú trọng đầu tư cho dây chuyền sản xuất hiện đại, chú trọng xây dựng cảnh quan xung quanh nhà máy, hệ thống hút bụi, lọc khí cho nhà xưởng thoáng mát, tạo môi trường làm việc trong lành
- Công ty luôn tìm hiểu và tuân thủ nghiêm túc luật pháp và các quy định về môi trường.
- Công ty luôn chú trọng cải tiến quy trình sản xuất nhằm đáp ứng những tiêu chuẩn về môi trường xanh - sạch - đẹp.
- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đạt chuẩn theo quy định của pháp luật.





Trách nhiệm với cộng đồng địa phương:

Công ty nhận thức được một trong những yếu tố góp phần vào sự phát triển bền vững là có ý thức và thực hiện tốt trách nhiệm đối với Cộng đồng. Theo đó, HCB luôn sẵn lòng đồng hành cùng chính quyền địa phương san sẻ, chung tay hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, cũng san sẻ các thành quả vật chất, tinh thần với cộng đồng xã hội. Công ty luôn chú trọng các công tác thiện nguyện, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam/Dioxin thành phố Đà Nẵng, đóng góp tích cực vào phòng chống dịch Covid-19, đóng góp cho công tác bảo vệ quyền trẻ em, ủng hộ người nghèo và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện các hoạt động cộng đồng, xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung. Qua đó, nhằm hài hòa lợi ích các bên bằng cách chia sẻ lợi ích kinh tế xã hội với họ.

Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty luôn duy trì thực hiện việc đóng đầy đủ các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho tất cả cán bộ, công nhân viên của Công ty. Trạm Y tế Công ty duy trì khám chữa bệnh ban đầu theo thẻ bảo hiểm y tế, góp phần chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người lao động. Công ty tiếp tục phục vụ bữa ăn ca tại chỗ cho người lao động với chất lượng ngày càng được cải thiện, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm. Hằng năm, Công ty thường xuyên tặng quà cho người lao động vào các ngày lễ, tết, kỷ niệm ngày thành lập Công ty, sinh nhật của người lao động; phụ cấp cho nữ công nhân đang nuôi con nhỏ. Người lao động có hoàn cảnh khó khăn đột xuất, rủi ro,... luôn được Công ty trợ cấp kịp thời.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban Kiểm soát
- Thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2021 ngành dệt may ghi nhận hồi phục tích cực khi nhu cầu mua sắm của khách hàng dần phục hồi trở lại và hiệu quả của chiến dịch tiêm chủng toàn cầu đã khiến cho tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng trở lại. Ban HĐQT của Công ty đã nhạy bén và có những quyết định kịp thời trong chỉ đạo điều hành và điều chỉnh đầu tư từ đó khắc phục được những bất lợi, giữ vững sản xuất và giúp Công ty thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

Trên cơ sở các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, HĐQT đã ban hành 7 Nghị quyết với các nội dung nằm trong trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hằng quý (và bất thường) theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm là phù hợp với quy định pháp luật, tuân thủ đúng quy định tại điều lệ và quy chế hoạt động, đáp ứng kịp thời theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT quyết định các chủ trương đầu tư xây dựng phần mềm Bravo 8 nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	27/03/2007	
2	Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch (Không điều hành)	29/03/2008	
3	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên (Điều hành)	27/03/2007	
4	Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên (Không điều hành)	29/03/2008	
5	Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên (Không điều hành)	29/03/2017	

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Huỳnh Văn Chính	4/4	100%
2	Ông Nguyễn Đình Trường	4/4	100%
3	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	4/4	100%
4	Ông Lâm Trọng Lương	4/4	100%
5	Ông Nguyễn Xuân Tùng	4/4	100%

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động của Ban điều hành Công ty qua các báo cáo định kỳ.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành bám sát các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao để phấn đấu thực hiện.
- Hàng quý, HĐQT tiến hành họp để tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và triển khai phương hướng hoạt động của các Quý tiếp theo. Tại buổi họp Tổng giám đốc phải báo cáo trước HĐQT về những việc đã đạt được và đề ra những biện pháp nhằm khắc phục những mặt yếu kém và phấn đấu để kết quả sản xuất kinh doanh đạt được như kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết/Quyết định trong năm của Hội đồng

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	21/01/2021	<ul style="list-style-type: none">- Khen thưởng cho đơn vị trực thuộc Công ty.- Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.- Thống nhất tỷ lệ cổ tức năm 2020 là 10%/cổ phiếu, thanh toán bằng tiền mặt.
2	01/QĐ-HĐQT	25/01/2021	<ul style="list-style-type: none">- Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021 vào ngày 29/03/2021.- HĐQT thống nhất ủy quyền cho Tổng giám đốc ký các hợp đồng sản xuất và mua bán hàng hóa với người có liên quan của thành viên HĐQT có giá trị nhỏ hơn 35% giá trị tổng tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.- Thông qua các văn kiện trình Đại hội cổ đông năm 2021.- Thông qua chương trình và quy chế tổ chức Đại hội cổ đông năm 2021.- Thông qua báo cáo SXKD năm 2020, Báo cáo tài chính, phân chia lợi nhuận năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.- Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021
3	02/QĐ-HĐQT	29/03/2021	<ul style="list-style-type: none">- Xem xét và cho ý kiến về Báo cáo hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát.- Xem xét và cho ý kiến về các Tờ trình Đại hội và nội dung sửa đổi, bổ sung các Quy chế trình Đại hội.- Tổng giám đốc báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh Quý I/2021.- Thống nhất miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty.
4	03/QĐ-HĐQT	26/04/2021	<ul style="list-style-type: none">- Miễn nhiệm chức danh kế toán trưởng đối với Ông Đặng Văn Trường.
5	05/BB-HĐQT	26/04/2021	<ul style="list-style-type: none">- Bổ nhiệm chức danh kế toán trưởng đối với Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	06/NQ-HĐQT	16/07/2021	<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT thống nhất các chỉ tiêu SXKD 6 tháng cuối năm và dự kiến cả năm 2021 của Tổng giám đốc đã đề xuất. - HĐQT đề nghị Tổng giám đốc có chính sách giữ lao động veston và xem xét cân đối quỹ lương. - Tập trung nâng cao năng lực quản lý, điều hành để cải tiến năng suất lao động, đảm bảo thu nhập cho người lao động và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm 2021. - Tăng cường đào tạo cán bộ chuyên môn nghiệp vụ. - Duy trì tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid 19. - Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, PCCN, phòng chống bão lụt và nâng cao chất lượng ăn ca.
7	07/NQ-HĐQT	20/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm và kế hoạch kinh doanh quý 4 năm 2021. - Thống nhất đề xuất của Ban kiểm soát về lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán – tư vấn Đất Việt là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021. - Thống nhất chủ trương đầu tư mở rộng sản xuất tại Xí nghiệp Duy Trung 2 thực hiện vào quý 2 năm 2022 tại địa điểm Hưng Hoàng Phát. - Đẩy mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực lãnh đạo công ty và quản lý cấp trung để thay thế, dự nguồn trước năm 2025. - Chủ trương xây dựng cơ sở sản xuất xanh tại công ty vào năm 2023.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS (Chủ tịch công đoàn)	29/03/2012	Đại học kế toán
2	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS	27/03/2007	Đại học kế toán
3	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	29/03/2012	Đại học kế toán

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Lê Thị Hải Châu	4/4	100%	100%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	4/4	100%	100%
3	Bà Lê Thị Thúy Lan	4/4	100%	100%

Hoạt động giám sát của BKS

- Ban Kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ của Công ty, nghị quyết đại hội cổ đông một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông.
- Hàng năm, Ban Kiểm soát xem xét Báo cáo tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc các quyết định của HĐQT; Tổng hợp đề xuất đại hội cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.
- Tham gia quá trình trước, trong và sau đại hội cổ đông hàng năm, nhằm đảm bảo việc tổ chức, tiến hành đại hội đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.
- Trong nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát không nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào nêu thắc mắc, kiến nghị về tình hình hoạt động của Công ty nên Ban kiểm soát chỉ hoạt động theo chương trình đã xây dựng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cổ đông

- Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám đốc nhưng vẫn duy trì tính độc lập của mình. Các cuộc họp định kỳ của HĐQT, Tổng giám đốc đều có sự tham dự của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát luôn được HĐQT, Tổng Giám đốc, các bộ phận, phòng ban hỗ trợ, giúp đỡ để hoàn thành nhiệm vụ.
- HĐQT đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của mình cho BKS. Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- HĐQT thực hiện công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ phận nhằm đảm bảo thực hiện triển khai đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
- Trong nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của HĐQT và một số cuộc họp của Ban Điều hành, đồng thời cũng được đầy đủ các văn bản trong quá trình chỉ đạo điều hành của HĐQT và Ban điều hành.

Kết quả giám sát tình hình hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý với sự tham gia đầy đủ các thành viên đã đưa ra các nghị quyết, quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh nhằm hoàn thành các chỉ tiêu do các kỳ Đại hội đồng cổ đông đề ra hàng năm.
- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành. Kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.
- Các hoạt động của Công ty đều tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định khác của pháp luật. Ban điều hành đã thực hiện tốt về chính sách của Nhà nước, đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho Người Lao động.
- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty, trong nhiệm kỳ qua Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.
- Ban kiểm soát nhận thấy Công ty đã quản lý và kiểm soát tốt công tác tài chính trong những năm qua: Thời gian lập và gửi báo cáo đúng quy định, kịp thời phục vụ cho công tác quản trị của Công ty và thông tin đến các cổ đông. Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ theo đúng quy định của chế độ kế toán thống kê. Thực hiện công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, trang thiết bị, vật tư, hàng hóa tồn kho định kỳ theo quy định, có tác dụng kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại tài sản của Công ty. Công nợ phải thu, phải trả đã thực hiện đối chiếu đầy đủ với khách hàng. Đảm bảo kiểm soát tốt các khoản nợ phải thu để tăng nhanh vòng quay của vốn, giảm thiểu khả năng tổn thất.

THU NHẬP CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHỐT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	362.210.000
2	Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	253.550.000
3	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm TGD	1.261.630.700
4	Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên HĐQT	181.100.000
5	Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên HĐQT	181.100.000
6	Nguyễn Ngọc Quý	Thư ký HĐQT	317.909.325
II	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		
1	Ông Trần Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	561.576.000
III	BAN KIỂM SOÁT		
1	Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	330.217.100
2	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS	168.538.300
3	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	54.340.000
TỔNG CỘNG			3.672.171.425

- **Đào tạo về quản trị công ty :** Không có
- **Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:** Không có
- **Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:** Không có



Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

STT	Tên TV HĐQT/TV BKS/TGD	Chức vụ tại công ty niêm yết	Tên công ty có giao dịch	Địa chỉ	Hợp đồng giao dịch	Chức vụ tại công ty có giao dịch
1	Nguyễn Đình Trường	Phó chủ tịch HĐQT	- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần May Việt Tiến - Tổng công ty Cổ phần May Việt Tiến M&S VTEC SHIPPING LTD.	- 102 Nguyễn Văn Linh - P.Nam Dương-Q.Hải Châu- TP Đà Nẵng - 63 Xuân Hồng, P 12, Q Tân Bình, Hồ Chí Minh	- Hợp đồng cung cấp MMTB, phụ tùng may mặc. - Hợp đồng dịch vụ vận chuyển hàng hóa logistic.	Phó chủ tịch HĐQT

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

STT	Tên TV HĐQT/TV BKS/TGD	Chức vụ tại công ty niêm yết	Tên công ty có giao dịch	Địa chỉ	Hợp đồng giao dịch	Người liên quan	Mối quan hệ
1	Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thăng Lợi	Số 5 Đường Nguyễn Quốc Trị, P.Khuê Mỹ, Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng	Hợp đồng đại lý tiêu thụ sản phẩm khăn bông	Huỳnh Văn Thăng – Giám đốc	Con trai



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021



Signature Not Verified

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3
Ký ngày: 26/3/2022 15:51:53

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>	
Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Ủy viên
Ông Lâm Trọng Lương	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Thư ký HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên
Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Hòe	Phó Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là bà Phạm Thị Xuân Nguyệt, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT - Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt may 29/3, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 49 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-057-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		468.486.403.207	480.713.064.727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.019.802.976	28.859.441.506
Tiền	111	V.1	7.019.802.976	28.859.441.506
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.985.480.593	32.090.199.708
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	45.985.480.593	32.090.199.708
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.820.795.065	137.251.811.997
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	143.155.123.533	131.042.000.344
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.612.133.533	5.462.280.662
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	548.248.662	931.390.577
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.494.710.663)	(183.859.586)
IV. Hàng tồn kho	140		256.207.814.484	259.594.910.505
Hàng tồn kho	141	V.7	256.207.814.484	259.594.910.505
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.452.510.089	22.916.701.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	938.810.468	3.033.330.129
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.342.940.941	17.309.931.165
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.170.758.680	2.573.439.717
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		210.275.104.497	235.776.897.214
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		190.873.557.454	219.159.474.139
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	188.715.804.009	216.647.042.250
<i>Nguyên giá</i>	222		499.811.111.538	491.964.026.080
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(311.095.307.529)	(275.316.983.830)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.157.753.445	2.512.431.889
<i>Nguyên giá</i>	228		7.156.173.626	7.156.173.626
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.998.420.181)	(4.643.741.737)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.294.399.078	10.786.933.773
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	12.294.399.078	10.786.933.773
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.500.000.000	1.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.607.147.965	4.330.489.302
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.607.147.965	4.330.489.302
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		678.761.507.704	716.489.961.941

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		544.179.006.545	586.513.680.994
I. Nợ ngắn hạn	310		494.946.669.649	520.287.614.459
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	73.241.632.632	64.455.739.733
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		83.375.470	189.228.173
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.014.319.462	935.559.591
4. Phải trả người lao động	314		64.898.273.709	21.425.017.781
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.902.533.902	2.484.443.969
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	321.900.000	636.703.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	20.394.506.791	16.143.193.488
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	328.804.258.519	410.273.740.555
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	285.869.164	3.743.988.169
II. Nợ dài hạn	330		49.232.336.896	66.226.066.535
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	-	321.900.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	22.920.000.000	23.215.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	26.099.916.693	42.389.508.858
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	212.420.203	299.657.677
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		134.582.501.159	129.976.280.947
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	134.582.501.159	129.976.280.947
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.992.740.000	51.992.740.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>51.992.740.000</i>	<i>51.992.740.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.939.243.713	16.939.243.713
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		49.650.374.310	46.971.211.966
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.000.143.136	14.073.085.268
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>4.507.768.929</i>	<i>4.150.261.771</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>11.492.374.207</i>	<i>9.922.823.497</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		678.761.507.704	716.489.961.941

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 3 năm 2022



TAM THỊNH AN NGUYỆT
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN
Kế toán trưởng

LÊ THỊ CẨM NHUNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		841.046.826.270	757.901.367.548
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		68.812.935	6.127.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	840.978.013.335	757.895.240.048
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	756.786.821.225	678.439.093.912
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.191.192.110	79.456.146.136
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.548.007.997	8.018.822.216
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.574.203.923	26.787.787.543
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.817.425.765</i>	<i>23.716.616.332</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.906.746.264	7.901.764.326
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	54.682.700.787	41.531.070.573
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.575.549.133	11.254.345.910
11. Thu nhập khác	31		6.686.833.076	1.157.049.735
12. Chi phí khác	32		157.946.552	390.620.695
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	6.528.886.524	766.429.040
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.104.435.657	12.020.774.950
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.899.298.924	1.798.293.776
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(87.237.474)	299.657.677
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.292.374.207	9.922.823.497
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	1.962	1.584
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	1.962	1.584



Đà Nẵng, ngày 21 tháng 3 năm 2022
PHẠM THỊ XUÂN NGUYỄN
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN
 Kế toán trưởng

LÊ THỊ CẨM NHUNG
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.104.435.657	12.020.774.950
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCD và BDSĐT	02		36.874.152.274	38.768.845.435
- Các khoản dự phòng	03		7.310.851.077	166.568.586
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.834.109.824	1.162.355.289
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.357.650.749)	(2.892.792.536)
- Chi phí lãi vay	06		17.817.425.765	23.716.616.332
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		77.583.323.848	72.942.368.056
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09	VII	(11.324.923.495)	47.528.750.678
- Giảm/ (Tăng) hàng tồn kho	10		3.387.096.021	15.259.152.704
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	59.982.731.959	(6.265.501.376)
- Giảm/ (Tăng) chi phí trả trước	12		817.860.998	(285.881.461)
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(18.205.512.649)	(23.130.287.998)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.038.650.000)	(2.583.832.988)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.800.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.944.999.000)	(4.654.188.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		104.256.927.682	98.812.379.615
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(9.797.755.042)	(13.018.286.186)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22		794.243.900	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.350.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	28.108.186.107
5. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	27	VII	77.652.756	723.879.280
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.275.858.386)	5.813.779.201
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		782.868.547.828	699.959.481.034
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(882.486.821.618)	(781.895.800.257)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(5.201.154.050)	(15.040.285.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(104.819.427.840)	(96.976.604.273)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(21.838.358.544)	7.649.554.543
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	28.859.441.506	21.217.612.119
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.279.986)	(7.725.156)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	7.019.802.976	28.859.441.506



NGUYỄN THỊ KIM LIÊN
Kế toán trưởng

LÊ THỊ CẨM NHUNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dệt may 29/3, được cổ phần hóa theo Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203001358 (số mới là 0400100457) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 27 tháng 3 năm 2007, thay đổi đến lần thứ 14 ngày 20 tháng 11 năm 2018.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng lần đầu vào ngày 7 tháng 7 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 156/2010/GCNCP-VSD và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18 tháng 10 năm 2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 156/2010/GCNCP-VSD-2 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.

- **Vốn điều lệ** : 51.992.740.000 VND
Số cổ phiếu : 5.199.274 cổ phần
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Huỳnh Văn Chính	Số 5 Đường Nguyễn Quốc Trị, Q.Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	504.629	5.046.290.000	9,71
2	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	225 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Đà Nẵng	552.500	5.525.000.000	10,63
3	Ông Lâm Trọng Lương	47 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	499.231	4.992.310.000	9,60
4	Ông Nguyễn Xuân Anh	225 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Đà Nẵng	324.625	3.246.250.000	6,24
5	Ông Nguyễn Đình Trường	Số 6 Ngô Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	308.000	3.080.000.000	5,92
6	Ông Nguyễn Xuân Tùng	225 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Đà Nẵng	378.750	3.787.500.000	7,28
7	Cổ đông khác		2.631.539	26.315.390.000	50,61
	Cộng		5.199.274	51.992.740.000	100,00

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mệ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• Trụ sở hoạt động

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : 60 Mệ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (84-0236) 3 756 999

Fax : (84-0236) 3 759 622

Email : hcb@hachiba.com.vn

Website : www.hachiba.com.vn

Mã số thuế : 0 4 0 0 1 0 0 4 5 7

Chi nhánh phụ thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 - Xí nghiệp may Duy Trung

Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Tây An, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam

Mã số thuế : 0 4 0 0 1 0 0 4 5 7 - 0 0 7

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may. Bán buôn và bán lẻ các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Bán buôn các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may. Kinh doanh các dịch vụ thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.408 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.701 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

6. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, tạm ứng cổ tức; các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013", cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 30
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Tài sản cố định khác	5 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mệ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán/phần máy tính và tài sản cố định vô hình khác.

Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà

Đây là giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà số 478 Điện Biên Phủ, phường Thanh Lệ Dân, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Phần mềm máy tính/ kế toán

Giá trị phần mềm máy tính/ kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm máy tính/ kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác phản ánh giá trị của các chương trình quản lý sản xuất, chất lượng sản phẩm, bao gồm chương trình quản lý tiến độ sản xuất, chương trình điều khiển máy in hoa và chương trình ISO 9001-2000, phản ánh là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các chương trình này vào sử dụng. Giá trị của các chương trình quản lý này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng..... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí mua bảo hiểm tài sản, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 15 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCD,... và các khoản phải trả khác.

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi trên cổ phần

Lãi cơ bản trên cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phần phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phần được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bình quân gia quyền cổ phần phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phần phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phần.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	153.406	389.144.451
Tiền gửi ngân hàng	7.019.649.570	28.470.297.055
Cộng	7.019.802.976	28.859.441.506

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	45.985.480.593	45.985.480.593	32.090.199.708	32.090.199.708
Tiền gửi có kỳ hạn	45.985.480.593	45.985.480.593	32.090.199.708	32.090.199.708
b) Dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	47.485.480.593	47.485.480.593	33.590.199.708	33.590.199.708

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5%/năm đến 5,4%/năm (năm 2020: 5,8%/năm đến 6,2%/năm).

Như trình bày tại Thuyết minh số V.17, toàn bộ số dư tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 45.985.480.593 đang được đảm bảo cho khoản các vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt.

Công ty mua 150 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu kỳ hạn 10 năm do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng giá trị 1.500.000.000 VND. Chi tiết:

- 100 trái phiếu mua trong năm 2018, ngày phát hành 28 tháng 6 năm 2018, lãi suất quy định là lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) 1,08%/năm.
- 50 trái phiếu mua trong năm 2017, ngày phát hành 14 tháng 12 năm 2017, lãi suất quy định là lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) 1,2%/năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty may Sportteam Corporation	8.658.144.929	2.186.345.646
ASOS.com Limited	15.127.254.906	-
Aurora Investments Global Limited	7.481.774.262	-
Bagir Group Ltd	58.194.073.639	60.499.354.501
Desipro Pte., Ltd	28.009.264.745	55.802.719.960
Galtex International Limited	17.794.464.237	-
Các khách hàng khác	7.890.146.815	12.553.580.237
Cộng	143.155.123.533	131.042.000.344

Như trình bày tại Thuyết minh số V.17, công nợ phải thu của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán được đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng xuất nhập khẩu tương ứng với nghĩa vụ cấp thiếu/không đủ tài sản đảm bảo là các đối tác xuất khẩu trực tiếp có tài khoản tiền về Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (không bao gồm tiền thanh toán từ đối tác Desipro Pte, Ltd).
- Ngoài ra, tất cả quyền đòi nợ (loại trừ khoản phải thu của khách hàng Desipro Pte, Ltd) theo Hợp đồng thế chấp số 147/2018/VCB-ĐN ngày 10 tháng 12 năm 2018 được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng tương ứng với tỷ lệ dư nợ.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hangzhou Sanyue Textile Co., Ltd	940.307.829	-
Công ty Cổ phần mềm Bravo	368.000.000	920.000.000
Điện lực Thanh Khê	537.638.335	300.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.766.187.369	4.242.280.662
Cộng	3.612.133.533	5.462.280.662

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu BHXH	-	-	25.763.485	-
Phải thu lãi tiền gửi	231.412.317	-	80.735.141	-
Tạm ứng	125.600.000	-	125.600.000	-
Ký cược, ký quỹ	409.981	-	409.933	-
Chi hộ tiền cơm nhân viên	-	-	606.663.766	-
Các khoản phải thu khác	190.826.364	-	92.218.252	-
Cộng	548.248.662	-	931.390.577	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	58.806.578.342	51.311.867.679	(7.494.710.663)	169.685.986
Bagir Group Ltd	58.194.073.639	51.083.256.842	(7.110.816.797)	-
Các đối tượng khác	612.504.703	228.610.837	(383.893.866)	169.685.986
Cộng	58.806.578.342	51.311.867.679	(7.494.710.663)	169.685.986

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	2.754.863.759	-	1.300.549.551	-
Nguyên liệu, vật liệu	119.636.858.405	-	108.834.810.509	-
Công cụ, dụng cụ	2.182.738.620	-	8.707.179.684	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.270.067.507	-	33.637.844.214	-
Thành phẩm	84.263.961.850	-	107.015.202.204	-
Hàng hóa	99.324.343	-	99.324.343	-
Cộng	256.207.814.484	-	259.594.910.505	-

Như trình bày tại Thuyết minh số V.17, hàng tồn kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán được đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Toàn bộ hàng tồn kho với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm bằng với số dư tín dụng của Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng bao gồm: (i) hàng trong kho; (ii) hàng ngoài kho (hàng mua đang đi đường, hàng được ký gửi tại các đại lý, cửa hàng...); (iii) hàng hình thành trong tương lai.
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh là các nguyên vật liệu, thành phẩm hàng may mặc được đặt tại kho có địa chỉ tại 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và các địa chỉ kho hàng khác được Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng chấp nhận - Giá trị Tài Sản thế chấp là Giá trị tối thiểu bằng số dư cấp tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.
- Ngoài ra, hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp số 146/2018/VCB-ĐN ngày 10 tháng 12 năm 2018 được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	938.810.468	3.033.330.129
Phí bảo hiểm tài sản	650.223.991	716.170.973
Công cụ, dụng cụ	167.538.005	294.375.992
Phí sửa chữa tài sản	-	1.419.285.174
Các chi phí khác	121.048.472	603.497.990
b) Dài hạn	5.607.147.965	4.330.489.302
Chi phí sửa chữa	1.618.381.745	1.340.358.515
Công cụ, dụng cụ	3.879.631.197	2.973.884.735
Các chi phí khác	109.135.023	16.246.052
Cộng	6.545.958.433	7.363.819.431

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	126.071.495.507	315.650.807.681	41.146.418.518	8.769.504.374	325.800.000	491.964.026.080
Tăng trong năm	459.087.273	5.171.399.000	1.819.409.648	1.348.543.636	-	8.798.439.557
Giảm trong năm	314.029.317	248.904.462	388.420.320	-	-	951.354.099
Số cuối năm	126.216.553.463	320.573.302.219	42.577.407.846	10.118.048.010	325.800.000	499.811.111.538
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	38.750.737.460	209.898.667.919	20.286.642.025	6.216.763.083	164.173.343	275.316.983.830
Tăng trong năm	4.955.446.198	27.819.015.857	2.816.644.708	891.397.275	36.969.792	36.519.473.830
Giảm trong năm	172.716.067	180.013.744	388.420.320	-	-	741.150.131
Số cuối năm	43.533.467.591	237.537.670.032	22.714.866.413	7.108.160.358	201.143.135	311.095.307.529
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	87.320.758.047	105.752.139.762	20.859.776.493	2.552.741.291	161.626.657	216.647.042.250
Số cuối năm	82.683.085.872	83.035.632.187	19.862.541.433	3.009.887.652	124.656.865	188.715.804.009
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng:						
Số đầu năm	6.944.376.385	71.005.003.591	8.995.132.140	3.335.405.804	-	90.279.917.920
Số cuối năm	8.370.177.586	93.890.847.696	12.060.434.323	4.069.237.878	-	118.390.697.483
GTCL của TSCĐ thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem Thuyết minh số V.17):						
Số đầu năm	51.369.335.190	90.391.672.454	3.199.577.314	489.809.371	-	145.450.394.329
Số cuối năm	48.687.655.050	74.176.790.953	2.790.264.166	399.429.367	-	126.054.139.536

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhà, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 Bà Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng nhà, đất	Phần mềm Winprot và Office Std	Phần mềm kế toán	Phần mềm hải quan điện tử	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá	1.656.255.600	1.127.050.006	996.784.800	46.800.000	3.329.283.220	7.156.173.626
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.656.255.600	1.127.050.006	996.784.800	46.800.000	3.329.283.220	7.156.173.626
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	-	736.479.310	956.951.799	46.800.000	2.903.510.628	4.643.741.737
Tăng trong năm	-	207.689.004	17.018.902	-	129.970.538	354.678.444
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	944.168.314	973.970.701	46.800.000	3.033.481.166	4.998.420.181
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.656.255.600	390.570.696	39.833.001	-	425.772.592	2.512.431.889
Số cuối năm	1.656.255.600	182.881.692	22.814.099	-	295.802.054	2.157.753.445
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng:						
Số đầu năm	-	88.605.000	877.684.800	46.800.000	1.357.893.380	2.370.983.180
Số cuối năm	-	88.605.000	932.684.800	46.800.000	2.874.446.158	3.942.535.958

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số V.17, Công ty sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 1.656.255.600 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh sông Hàn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí đầu tư, xây dựng lò hơi	-	314.718.870
Nhà xưởng và tài sản trên đất của Xí nghiệp may Duy Trung - Giai đoạn 2	11.137.757.078	10.472.214.903
Phần mềm kế toán Bravo	920.000.000	-
Phí lắp đặt hệ thống LCD	236.642.000	-
Cộng	<u>12.294.399.08</u>	<u>10.786.933.773</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty TNHH in Na Nu	1.348.618.882	1.348.618.882	662.061.915	662.061.915
Công ty TNHH Avery Dennison Ris Viet Nam	1.587.927.024	1.587.927.024	1.060.402.701	1.060.402.701
Công ty TNHH Dệt Liên Châu	1.267.835.157	1.267.835.157	785.261.678	785.261.678
Công ty TNHH Mainetti (Việt Nam)	2.082.455.100	2.082.455.100	2.116.742.087	2.116.742.087
Công ty TNHH Việt Nam Paiho	1.575.946.627	1.575.946.627	1.216.661.740	1.216.661.740
Công ty TNHH Phụ liệu Phú Cường	3.102.940.836	3.102.940.836	3.107.122.537	3.107.122.537
Công ty TNHH Bao bì Tấn Đạt	1.001.014.037	1.001.014.037	1.300.862.790	1.300.862.790
Công ty TNHH In Thêu Tân Hùng Ngọc	1.452.337.749	1.452.337.749	1.223.040.409	1.223.040.409
Công ty TNHH YKK Việt Nam	23.272.516.358	23.272.516.358	11.941.089.474	11.941.089.474
Jiangyin Blossom Textiles Co., Ltd	3.786.235.020	3.786.235.020	3.351.492.673	3.351.492.673
Carreman (Shanghai) Co., Ltd	1.543.609.972	1.543.609.972	-	-
Unitex International Button Accessories Ltd.	2.044.858.912	2.044.858.912	1.478.367.648	1.478.367.648
Siyaram Silk Mills Limited	1.410.351.716	1.410.351.716	1.428.504.149	1.428.504.149
Các nhà cung cấp khác	27.764.985.242	27.764.985.242	34.784.129.932	34.784.129.932
Cộng	<u>73.241.632.632</u>	<u>73.241.632.632</u>	<u>64.455.739.733</u>	<u>64.455.739.733</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	890.413.367	6.886.892.117	5.801.112.174	1.976.193.310
Thuế nhập khẩu	-	17.073.253	17.073.253	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.992.807.386)	2.899.298.924	2.038.650.000	(1.132.158.462)
Thuế thu nhập cá nhân	45.146.224	1.135.757.739	1.142.777.811	38.126.152
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(564.557.828)	4.093.340.772	3.551.308.710	(22.525.766)
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	(16.074.503)	449.425.943	449.425.892	(16.074.452)
Cộng	(1.637.880.126)	15.481.788.748	13.000.347.840	843.560.782

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	2.573.439.717	1.170.758.680
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>935.559.591</u>	<u>2.014.319.462</u>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	743.176.735	1.131.263.619
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	229.987.824	116.983.499
Các chi phí khác	3.929.369.343	1.236.196.851
Cộng	4.902.533.902	2.484.443.969

15. Doanh thu chưa thực hiện

a) Ngắn hạn	321.900.000	636.703.000
Doanh thu cho thuê mặt bằng chưa thực hiện	321.900.000	636.703.000
b) Dài hạn	-	321.900.000
Doanh thu cho thuê mặt bằng chưa thực hiện	-	321.900.000
Cộng	321.900.000	958.603.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Phải trả khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	20.394.506.791	16.143.193.488
Kinh phí công đoàn	4.400.014.287	2.682.428.145
Phải trả người lao động	138.559.179	148.617.279
Phải trả cổ tức	92.513.942	94.393.992
Bagir Group Ltd.	7.453.109.460	7.453.109.460
Desipro Pte., Ltd.	1.159.102.043	1.447.677.198
Công ty TNHH Thành Thái Thịnh	542.226.580	553.821.112
Các khoản phải trả khác	6.608.981.300	3.763.146.302
b) Dài hạn	22.920.000.000	23.215.000.000
Bagir Group Ltd.	22.920.000.000	23.215.000.000
Cộng	<u>43.314.506.791</u>	<u>39.358.193.488</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	328.804.258.519	328.804.258.519	800.337.512.786	(881.806.994.822)	410.273.740.555	410.273.740.555
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>299.138.624.751</i>	<i>299.138.624.751</i>	<i>770.671.879.018</i>	<i>(841.441.913.349)</i>	<i>369.908.659.082</i>	<i>369.908.659.082</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	48.204.126.948	48.204.126.948	160.590.817.398	(171.019.271.920)	58.632.581.470	58.632.581.470
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (ii)	79.900.349.466	79.900.349.466	191.242.688.594	(187.912.065.720)	76.569.726.592	76.569.726.592
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (iii)	18.173.987.212	18.173.987.212	54.594.399.524	(53.846.712.412)	17.426.300.100	17.426.300.100
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (iv)	48.635.776.530	48.635.776.530	103.520.100.235	(117.308.666.385)	62.424.342.680	62.424.342.680
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (v)	20.132.369.271	20.132.369.271	99.873.076.409	(144.710.894.111)	64.970.186.973	64.970.186.973
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh Sông Hàn (vi)	68.572.393.163	68.572.393.163	108.706.092.773	(108.459.449.589)	68.325.749.979	68.325.749.979
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng (vii)	15.519.622.161	15.519.622.161	52.144.704.085	(58.184.853.212)	21.559.771.288	21.559.771.288
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>29.665.633.768</i>	<i>29.665.633.768</i>	<i>29.665.633.768</i>	<i>(40.365.081.473)</i>	<i>40.365.081.473</i>	<i>40.365.081.473</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (viii)	4.650.996.710	4.650.996.710	4.650.996.710	(9.877.876.013)	9.877.876.013	9.877.876.013
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (ix)	16.605.849.058	16.605.849.058	16.605.849.058	(22.452.843.460)	22.452.843.460	22.452.843.460

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (x)	5.500.800.000	5.500.800.000	5.500.800.000	(5.107.300.000)	5.107.300.000	5.107.300.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng (xi)	2.907.988.000	2.907.988.000	2.907.988.000	(2.927.062.000)	2.927.062.000	2.927.062.000
b) Vay dài hạn ngân hàng	26.099.916.693	26.099.916.693	14.055.868.399	(30.345.460.564)	42.389.508.858	42.389.508.858
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (viii)	4.650.996.710	4.650.996.710	4.650.996.710	(9.877.876.013)	9.877.876.013	9.877.876.013
Trong vòng 1 năm	7.585.010.552	7.585.010.552	4.474.126.979	(4.677.243.774)	7.788.127.347	7.788.127.347
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	12.236.007.262	12.236.007.262	9.125.123.689	(14.555.119.787)	17.666.003.360	17.666.003.360
Cộng	(4.650.996.710)	(4.650.996.710)	(4.650.996.710)	9.877.876.013	(9.877.876.013)	(9.877.876.013)
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	7.585.010.552	7.585.010.552	4.474.126.979	(4.677.243.774)	7.788.127.347	7.788.127.347
Số phải trả sau 12 tháng						
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (ix)	16.605.849.058	16.605.849.058	16.605.849.058	(22.452.843.460)	22.452.843.460	22.452.843.460
Trong vòng 1 năm	16.137.642.180	16.137.642.180	9.581.741.420	(16.679.247.448)	23.235.148.208	23.235.148.208
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5						
Sau 5 năm	32.743.491.238	32.743.491.238	26.187.590.478	(39.132.090.908)	45.687.991.668	45.687.991.668
Cộng	(16.605.849.058)	(16.605.849.058)	(16.605.849.058)	22.452.843.460	(22.452.843.460)	(22.452.843.460)
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	16.137.642.180	16.137.642.180	9.581.741.420	(16.679.247.448)	23.235.148.208	23.235.148.208
Số phải trả trong vòng 12 tháng						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (x)	5.500.800.000	5.500.800.000	5.500.800.000	(5.107.300.000)	5.107.300.000	5.107.300.000
Trong vòng 1 năm						

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mệ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.650.240.000	1.650.240.000	-	(6.057.139.071)	7.707.379.071	7.707.379.071
Cộng	7.151.040.000	7.151.040.000	5.500.800.000	(11.164.439.071)	12.814.679.071	12.814.679.071
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(5.500.800.000)	(5.500.800.000)	(5.500.800.000)	5.107.300.000	(5.107.300.000)	(5.107.300.000)
Số phải trả trong vòng 12 tháng	1.650.240.000	1.650.240.000	-	(6.057.139.071)	7.707.379.071	7.707.379.071
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng (xi)	2.907.988.000	2.907.988.000	2.907.988.000	(2.927.062.000)	2.927.062.000	2.927.062.000
Trong vòng 1 năm	727.023.961	727.023.961	-	(2.931.830.271)	3.658.854.232	3.658.854.232
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	3.635.011.961	3.635.011.961	2.907.988.000	(5.858.892.271)	6.585.916.232	6.585.916.232
Cộng	(2.907.988.000)	(2.907.988.000)	(2.907.988.000)	2.927.062.000	(2.927.062.000)	(2.927.062.000)
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	727.023.961	727.023.961	-	(2.931.830.271)	3.658.854.232	3.658.854.232
Số phải trả trong vòng 12 tháng	354.904.175.212	354.904.175.212	814.393.381.185	(912.152.455.386)	452.663.249.413	452.663.249.413

Tổng cộng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng chủ yếu như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 70/2021/VCB-KHIDN ngày 30 tháng 7 năm 2021 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm cả số dư nợ vay đối với Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 32/2020/VCB-KHIDN ngày 29 tháng 3 năm 2020). Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và có thời hạn 7 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian vay vốn của khoản vay đó. Mục đích vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Công ty sử dụng máy móc thiết bị (xem Thuyết minh số V.9), hàng hóa luân chuyển (xem Thuyết minh số V.7) và quyền đòi nợ để thế chấp cho khoản vay (xem Thuyết minh số V.3).
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cho vay số 01/2021-HĐCVHM/NHCT480-HACHIBA ngày 22 tháng 9 năm 2021 với hạn mức cho vay là 120.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm cả số dư nợ vay đối với Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT480-HACHIBA ngày 10 tháng 9 năm 2020), Hợp đồng vay có thời hạn duy trì hạn mức là đến hết ngày 22 tháng 9 năm 2022 và thời hạn cho vay tối đa không quá 8 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Mục đích vay để phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh dệt may. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được đầu tư để tăng quy mô sản xuất, dự án chiều sâu, mở rộng đầu tư sản xuất hàng may mặc xuất khẩu (xem Thuyết minh số V.9).
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0195/2021/CTV/HĐTDHM ngày 15 tháng 6 năm 2021 với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn của Hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Công ty sử dụng toàn bộ tiền gửi của Công ty gửi tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (xem Thuyết minh số V.2) để thế chấp cho khoản vay này.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.1705.240921 ngày 01 tháng 11 năm 2021 với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được ghi trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty sử dụng bất động sản tại Trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty ở 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, thửa đất số 156, TBD số 08, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam và máy móc phục vụ ngành dệt (xem Thuyết minh số V.9) để thế chấp cho khoản vay này.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp tín dụng số DNG2015043/HĐTD ngày 7 tháng 10 năm 2015 và Phụ lục số DNG20152043/HĐTD/PL10 ngày 20 tháng 01 năm 2021 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Hợp đồng vay có thời hạn 14 tháng đến ngày 02 tháng 4 năm 2022 và 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh mặt hàng may mặc xuất khẩu. Công ty sử dụng hàng hóa là nguyên vật liệu và thành phẩm hàng may mặc, dệt luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh với giá trị tại

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

mọi thời điểm tương đương với dư nghĩa vụ tín dụng của Công ty tại Ngân hàng (xem Thuyết minh số V.7) và khoản phải thu từ đối tác xuất khẩu (xem Thuyết minh số V.3) để đảm bảo cho khoản vay này.

- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh sông Hàn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/256967/HĐTD ngày 01 tháng 12 năm 2021 với hạn mức tín dụng là 68.600.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm số dư nợ vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/256967/HĐTD ngày 30 tháng 9 năm 2020). Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 30 tháng 11 năm 2022. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Quyền sử dụng đất và nhà ở của thửa đất số 82, số 478A6 Điện Biên Phủ, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng (xem Thuyết minh số V.10 và số V.9) để đảm bảo cho khoản vay này.
- (vii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 25811.21.307.2747030.TD ngày 11 tháng 6 năm 2021 với hạn mức tín dụng 1 là 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương và hạn mức tín dụng 2 là 60.000.000.000 VND. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 11 tháng 6 năm 2021 đến ngày 19 tháng 4 năm 2022, và thời hạn cho vay là 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh dệt may của doanh nghiệp. Biện pháp bảo đảm là tiền ký quỹ tại MB/ Hợp đồng tiền gửi/thẻ tiết kiệm/ giấy tờ có giá do MB phát hành/ trái phiếu kho bạc, bất động sản hoặc giá trị sản lượng dờ đang, quyền đòi nợ hình thành từ phương án/động sản/ các tài sản đặc biệt khác được phép nhận tài sản bảo đảm theo quy định của MB (không bao gồm hàng tồn kho/ khoản phải thu) theo quy định MB.
- (viii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo như sau:
- Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2018 số 2604/2018-HDCVDADT /NHCT480-HACHIBA ngày 26 tháng 4 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.183.741.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 2 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2018 số 0908/2018-HDCVDADT /NHCT480-HACHIBA ngày 9 tháng 8 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 2.128.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2018 số 2009/2018-HDCV-SDBS01/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 4 tháng 10 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.289.900.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2018 số 2711/2018-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 27 tháng 11 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.295.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2019 số 01/2019-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 13 tháng 05 năm 2019 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 746.410.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 6.5%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2019 số 02/2019-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 28 tháng 06 năm 2019 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.858.500.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 6.5%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2019 số 03/2019-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 19 tháng 9 năm 2019 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 5.378.300.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 7%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2020 số 01/2020-HDCVDADT/NHCT480-HACHIBA ngày 24 tháng 11 năm 2020 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 5.100.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 9,5% và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký Hợp đồng). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Đầu tư mua mới Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2021 số 01/2021-HDCVDADT/NHCT480-HACHIBA ngày 23 tháng 12 năm 2021 với các khoản tiền bằng VND nhưng không vượt quá 725.400.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 10,5% và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký Hợp đồng). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Đầu tư mua mới Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh số V.9).

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 12.236.007.262 VND bao gồm số dư nợ vay VND là 8.681.073.900 VND và số dư ngoại tệ là 154.394,5 USD tương đương 3.554.933.362 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 4.650.996.710 VND bao gồm 3.016.820.360 VND và 70.974 USD tương đương 1.634.176.350 VND.

(ix) Công ty có các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với chi tiết như sau:

- Các Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trong năm 2015 với tổng số hạn mức vay là 52.467.176.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn vay của các Hợp đồng cấp tín dụng là 60 tháng và 120 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay USD là 4%/năm và 4,5%/năm; lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 7,8%/năm). Mục đích của các khoản vay để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị cho ngành dệt và cho dự án xây dựng xí nghiệp may Veston.
- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.449.140717 ngày 29 tháng 9 năm 2017 với tổng hạn mức là 8.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để hoàn vốn đầu tư mua máy móc thiết bị.
- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.455.140717 ngày 17 tháng 8 năm 2017 với tổng hạn mức là 14.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.799.040518 ngày 16 tháng 5 năm 2018 với tổng hạn mức là 10.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.791.040518 ngày 26 tháng 6 năm 2018 với tổng hạn mức là 16.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa nhà xưởng.

Các khoản vay được trả hàng tháng sau thời gian ân hạn. Công ty sử dụng nhà cửa, vật kiến trúc tại Trụ sở chính của Công ty ở 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và thửa đất số 523, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam và các tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.9) và hàng tồn kho trị giá 50.000.000 VND (xem Thuyết minh số V.7) để đảm bảo cho các khoản vay này.

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 32.743.491.238 VND bao gồm số dư nợ vay VND là 27.328.584.208 VND và số dư ngoại tệ là 236.769 USD tương đương 5.414.907.030 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 16.605.849.058 VND bao gồm 11.724.133.208 VND và 213.455 USD tương đương 4.881.715.850 VND.

(x) Công ty có khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 334/2015/VCB-KHDN ngày 9 tháng 11 năm 2015

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

với số tiền vay tối đa là 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ, lãi suất áp là 3,96%/năm. Mục đích của các khoản vay là để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án. Các khoản vay được trả hàng tháng sau thời gian ân hạn. Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.9) để thế chấp cho các khoản vay này.

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 312.000 USD tương đương 7.151.040.000 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 240.000 USD tương đương 5.500.800.000 VND.

- (xi) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 6255/15/TD-TT/VI ngày 16 tháng 12 năm 2015 với số tiền vay là 18.730.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất các khoản vay USD: lãi suất ưu đãi năm đầu tiên là 2,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi, lãi vay được tính bằng lãi suất Libor 3 tháng cộng (+) 2,5%/năm; Lãi suất các khoản vay VND: 7,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, các tháng tiếp theo điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng (lãi cuối kỳ) cộng (+) biên độ 2,5%/năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư xây dựng mở rộng Xí nghiệp May - Veston. Số tiền vay được trả hàng quý sau thời gian ân hạn. Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh số V.9).

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.635.011.961 VND bao gồm số dư nợ vay VND là 1.488.272.625 VND và số dư ngoại tệ là 93.499,1 USD tương đương 2.146.739.336 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 2.907.988.000 VND bao gồm 1.190.580.000 VND và 74.800 USD tương đương 1.717.408.000 VND.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Thu khác	Chi/ sử dụng các quỹ	Số cuối năm
Năm trước					
Quỹ khen thưởng	800.651.474	2.718.621.761	1.800.000	(3.353.650.000)	167.423.235
Quỹ phúc lợi	3.063.003.881	543.724.352	-	(469.538.000)	3.137.190.233
Quỹ khen thưởng Ban điều hành, quản lý	(88.936.180)	1.359.310.881	-	(831.000.000)	439.374.701
Cộng	3.774.719.175	4.621.656.994	1.800.000	(4.654.188.000)	3.743.988.169
Năm nay					
Quỹ khen thưởng	167.423.235	1.392.282.350	-	(1.525.300.000)	34.405.585
Quỹ phúc lợi	3.137.190.233	598.456.470	-	(3.700.679.000)	34.967.703
Quỹ khen thưởng Ban điều hành, quản lý	439.374.701	496.141.175	-	(719.020.000)	216.495.876
Cộng	3.743.988.169	2.486.879.995	-	(5.944.999.000)	285.869.164

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận tại Thuyết minh số V.20

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của chênh lệch chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ trong năm và năm trước như sau:

	Năm nay	Năm nay
Số đầu năm	299.657.677	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(87.237.474)	299.657.677
Số cuối năm	<u>212.420.203</u>	<u>299.657.677</u>

20. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước					
Số đầu năm	51.992.740.000	16.939.243.713	39.630.933.211	31.710.019.520	140.272.936.444
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.922.823.497	9.922.823.497
Trích lập các quỹ	-	-	7.340.278.755	(11.961.935.749)	(4.621.656.994)
Chia cổ tức	-	-	-	(15.597.822.000)	(15.597.822.000)
Số cuối năm	<u>51.992.740.000</u>	<u>16.939.243.713</u>	<u>46.971.211.966</u>	<u>14.073.085.268</u>	<u>129.976.280.947</u>
Năm nay					
Số đầu năm	51.992.740.000	16.939.243.713	46.971.211.966	14.073.085.268	129.976.280.947
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	12.292.374.207	12.292.374.207
Trích lập các quỹ	-	-	2.679.162.344	(5.166.042.339)	(2.486.879.995)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.199.274.000)	(5.199.274.000)
Số cuối năm	<u>51.992.740.000</u>	<u>16.939.243.713</u>	<u>49.650.374.310</u>	<u>16.000.143.136</u>	<u>134.582.501.159</u>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty là 51.992.740.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	13.040.290.000	25,08	13.040.290.000	25,08
Ông Huỳnh Văn Chính	5.046.290.000	9,71	5.046.290.000	9,71
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	5.525.000.000	10,63	5.525.000.000	10,63
Ông Đặng Văn Trường	2.200.000.000	4,23	2.200.000.000	4,23
Ông Trần Xuân Hòa	269.000.000	0,52	269.000.000	0,52

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ đông khác	38.952.450.000	74,92	38.952.450.000	74,92
Ông Nguyễn Xuân Anh	3.246.250.000	6,24	3.246.250.000	6,24
Ông Lâm Trọng Lương	4.992.310.000	9,60	4.992.310.000	9,60
Ông Nguyễn Đình Trường	3.080.000.000	5,92	3.080.000.000	5,92
Ông Nguyễn Xuân Tùng	3.787.500.000	7,28	3.787.500.000	7,28
Cổ đông khác	23.846.390.000	45,86	23.846.390.000	45,86
Cộng	51.992.740.000	100,00	51.992.740.000	100,00

Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.199.274	5.199.274
Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	5.199.274	5.199.274
<i>Cổ phần phổ thông</i>	5.199.274	5.199.274
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
<i>Cổ phần phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.199.274	5.199.274
<i>Cổ phần phổ thông</i>	5.199.274	5.199.274
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Công ty tạm trích bổ sung Quỹ Khen thưởng và Quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 với số tiền là 800.000.000 VND tương ứng với tỷ lệ là 6,51% lợi nhuận sau thuế năm 2021.

Chi tiết phân phối lợi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức	5.199.274.000	15.597.822.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.679.162.344	7.340.278.755
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.486.879.995	4.621.656.994
<i>Quỹ khen thưởng</i>	1.392.282.350	2.718.621.761
<i>Quỹ phúc lợi</i>	598.456.470	543.724.352
<i>Quỹ khen thưởng Ban điều hành, quản lý</i>	496.141.175	1.359.310.881
Cộng	10.365.316.339	27.559.757.749

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****a) Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	3.973.346.731	3.973.346.731
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	15.893.386.924	15.893.386.924
Sau 5 năm	127.809.319.847	131.782.666.578
Cộng	<u>147.676.053.502</u>	<u>151.649.400.233</u>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất để làm trụ sở Công ty theo Hợp đồng thuê đất số 95/HĐ-TĐ ngày 30 tháng 12 năm 2009 ký kết với Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng và Phụ lục hợp đồng thuê đất ngày 15 tháng 8 năm 2019. Thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày ký Quyết định cho thuê đất (tháng 3 năm 2009), đơn giá thuê là 63.801/VND/m²/năm. Năm 2021, Công ty đã nộp tiền thuê đất là 3.973.346.731 VND (năm 2020: 3.739.511.856 VND).

b) Ngoại tệ các loại

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ	USD	143.488,88	1.138.380,81
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	594,09	605,71

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>841.046.826.270</i>	<i>757.901.367.548</i>
Doanh thu bán hàng hóa	25.350.682.036	5.800.476.789
Doanh thu bán thành phẩm	814.894.882.560	751.761.882.645
Doanh thu khác	801.261.674	339.008.114
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>(68.812.935)</i>	<i>(6.127.500)</i>
Giảm giá hàng bán	(68.812.935)	-
Hàng bán bị trả lại	-	(6.127.500)
Doanh thu thuần	<u>840.978.013.335</u>	<u>757.895.240.048</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa	25.250.473.136	5.904.664.727
Giá vốn thành phẩm	731.536.348.089	672.534.429.185
Cộng	<u>756.786.821.225</u>	<u>678.439.093.912</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.666.360.817	2.776.542.536
Lãi tiền cho vay, trái phiếu	107.250.000	116.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.583.972.832	4.958.601.746
Doanh thu tài chính khác	190.424.348	167.427.934
Cộng	<u>13.548.007.997</u>	<u>8.018.822.216</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	17.817.425.765	23.716.616.332
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.756.778.158	3.071.171.211
Cộng	<u>24.574.203.923</u>	<u>26.787.787.543</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí bao bì	69.899.982	7.390.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.986.616
Thuế, phí và lệ phí	2.216.512.619	2.199.635.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.790.975.692	3.086.923.116
Chi phí bán hàng khác	2.829.357.971	2.605.828.693
Cộng	<u>9.906.746.264</u>	<u>7.901.764.326</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	24.413.975.728	16.722.055.556
Chi phí vật liệu quản lý	2.481.807.452	3.289.149.851
Chi chi đồ dùng văn phòng	744.961.511	537.078.708
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.657.750.043	1.526.512.133
Thuế, phí và lệ phí	4.095.763.921	4.900.166.408
Chi phí dự phòng	7.310.851.077	166.568.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.378.237.236	4.775.590.489
Chi phí bằng tiền khác	8.599.353.819	9.613.948.842
Cộng	<u>54.682.700.787</u>	<u>41.531.070.573</u>

7. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác	6.686.833.076	1.157.049.735
Lãi nhượng bán, thanh lý TSCĐ	584.039.932	-
Khách hàng hỗ trợ, bồi thường hàng lỗi	992.267.091	214.226.747
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	-	18.980.000
Xử lý công nợ không đòi	78.320.521	716.460.944
Thu tiền bồi thường	4.766.933.593	145.701.000
Thu nhập khác	265.271.939	61.681.044
Chi phí khác	157.946.552	390.620.695
Xử lý công nợ	1.801.378	62.266
Chi phí khác	156.145.174	390.558.429
Lợi nhuận thuần khác	<u>6.528.886.524</u>	<u>766.429.040</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mệ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.104.435.657	12.020.774.950
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2.910.429.461	734.153.428
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.459.722.712	2.446.429.228
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(549.293.251)	(1.712.275.800)
Thu nhập chịu thuế	18.014.865.118	12.754.928.378
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.602.973.024	2.550.985.676
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm liên quan đến chi phí chi cho lao động nữ	(703.674.100)	(752.691.900)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.899.298.924	1.798.293.776

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

9. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại vào Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	(436.187.372)	1.498.288.386
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(87.237.474)	299.657.677

10. Lãi trên cổ phần**a) Lãi cơ bản trên cổ phần**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.292.374.207	9.922.823.497
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.089.703.615)	(1.686.879.995)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	10.202.670.592	8.235.943.502
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	5.199.274	5.199.274
Lãi cơ bản trên cổ phần	1.962	1.584

b) Lãi suy giảm trên cổ phần

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	10.202.670.592	8.235.943.502
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	10.202.670.592	8.235.943.502

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	5.199.274	5.199.274
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.199.274	5.199.274
Lãi suy giảm trên cổ phần	1.962	1.584

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	319.488.905.151	290.382.251.328
Chi phí nhân công	399.452.722.966	363.892.257.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.874.152.274	38.768.845.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.778.158.428	22.830.401.677
Chi phí khác bằng tiền	26.663.312.396	21.959.654.324
Cộng	812.257.251.215	737.833.410.698

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay	Năm trước
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	231.412.317	80.735.141
Lãi ngân hàng nhập gốc	1.545.280.885	2.088.178.115
Phải trả chi phí lãi vay	743.176.735	1.131.263.619
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản trong năm	163.350.000	507.382.759
Cổ tức tạm ứng năm trước	-	463.142.958
Phải trả cổ tức	92.513.942	94.393.992

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm	80.735.141	-
Chi phí lãi vay năm trước đã trả trong năm	1.131.263.619	544.935.285
Cổ tức năm trước đã trả trong năm	94.393.992	-
Trả trước tiền mua sắm, xây dựng tài sản	788.655.347	1.640.837.926
Tiền mua sắm, xây dựng tài sản phải trả năm trước đã trả trong năm	507.382.759	131.195.350

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	34.090.909	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.306.909.092	1.014.272.728
Sau 5 năm	4.531.628.791	4.858.356.064
Cộng	<u>5.872.628.792</u>	<u>5.872.628.792</u>

Các khoản thu tiền cho thuê hoạt động thể hiện chi tiết:

- Hợp đồng thuê 3.748 m² mặt bằng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, diện tích cho thuê chỉ còn 1.188 m²) số 05/HĐKT/DM29/3-PTNL ngày 14 tháng 10 năm 2020, thời hạn cho thuê là 20 năm từ ngày 9 tháng 11 năm 2020, giá cho thuê là 50.000 VND/m²/năm (bao gồm thuế GTGT).
- Hợp đồng thuê 6.000 m² mặt bằng số 04/HĐKT/DM29/3-PTNL ngày 9 tháng 10 năm 2020, thời hạn cho thuê là 20 năm từ ngày 15 tháng 11 năm 2020, giá cho thuê là 50.000 VND/m²/năm (bao gồm thuế GTGT).

2. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	362.210.000	335.910.000
Ông Nguyễn Đình Trường	Phó chủ tịch HĐQT	253.550.000	235.130.000
Ông Lâm Trọng Lương	Ủy viên HĐQT	181.100.000	167.960.000
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Ủy viên HĐQT	181.100.000	167.960.000
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT	1.261.630.700	1.220.407.400
Ông Trần Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	561.576.000	568.234.000
Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm	330.217.100	338.784.200
Bà Lê Thị Thúy Lan	soát	54.340.000	50.390.000
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên Ban kiểm soát	168.538.300	166.851.000
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Thư ký HĐQT	317.909.325	307.807.400
Cộng		<u>3.672.171.425</u>	<u>3.559.434.000</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17, trừ đi tiền và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	354.904.175.212	452.663.249.413
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(7.019.802.976)</u>	<u>(28.859.441.506)</u>
Nợ thuần	347.884.372.236	423.803.807.907
Vốn chủ sở hữu	<u>134.582.501.159</u>	<u>129.976.280.947</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>258%</u>	<u>326%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền	7.019.802.976	7.019.802.976	28.859.441.506	28.859.441.506
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	47.485.480.593	47.485.480.593	33.590.199.708	33.590.199.708
Phải thu của khách hàng	135.660.412.870	135.660.412.870	130.858.140.758	130.858.140.758
Phải thu khác	422.648.662	422.648.662	173.363.326	173.363.326
Cộng	<u>190.588.345.101</u>	<u>190.588.345.101</u>	<u>193.481.145.298</u>	<u>193.481.145.298</u>

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	73.241.632.632	73.241.632.632	64.455.739.733	64.455.739.733
Chi phí phải trả	4.672.546.078	4.672.546.078	2.367.460.470	2.367.460.470
Phải trả khác	38.775.933.325	38.775.933.325	36.527.148.064	36.527.148.064
Các khoản vay	354.904.175.212	354.904.175.212	452.663.249.413	452.663.249.413
Cộng	<u>471.594.287.247</u>	<u>471.594.287.247</u>	<u>556.013.597.680</u>	<u>556.013.597.680</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá)

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty là sản xuất các sản phẩm ngành may mặc và ngành dệt khăn, phần lớn là sản xuất đơn hàng xuất khẩu. Nguyên vật liệu chính để sản xuất các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt là vải và sợi các loại, chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài. Ngoài ra, máy móc thiết bị ngành dệt may cũng thường xuyên đầu tư thay đổi, mua sắm mới,... do đó, Công ty cũng nhập khẩu các thiết bị này. Hoạt động sản xuất xuất khẩu chiếm phần lớn trong Công ty, nhu cầu lớn rất lớn cho nên Công ty cần các nguồn vốn vay từ các ngân hàng trong nước, đặc biệt là các khoản vay ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá ngoại tệ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Tên ngoại tệ	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tài sản	Nợ phải trả	Tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	Tài sản	Nợ phải trả	Tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ
Đôla Mỹ (USD)	5.952.836,88	14.784.766,10	(8.831.929,22)	6.642.865,81	17.364.414,13	(10.721.548,32)
Quy đổi VND	134.712.241.145	339.202.025.962	(204.489.784.817)	152.867.465.393	402.032.283.280	(249.164.817.887)
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	594,09	-	594,09	605,71	-	605,71
Quy đổi VND	15.025.432	-	15.025.432	16.963.781	-	16.963.781

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ (USD).

Tỷ lệ thay đổi được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của USD so với VND tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng 2.044.897.848 VND (năm 2020: 2.491.648.179 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, phải thu về cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng chịu lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính	47.485.480.593	33.590.199.708
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	45.985.480.593	32.090.199.708
Trái phiếu	1.500.000.000	1.500.000.000
Nợ phải trả tài chính	354.904.175.212	452.663.249.413
Các khoản vay	354.904.175.212	452.663.249.413
Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần	(307.418.694.619)	(419.073.049.705)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng tương ứng là 3.074.186.946 VND (năm 2020: 4.190.730.497 VND).

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá hàng hóa là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất kinh doanh và mức nguyên vật liệu một cách hợp lý để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro ở khoản phải thu khách hàng là không đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền	7.019.802.976	-	-	7.019.802.976
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	45.985.480.593	-	1.500.000.000	47.485.480.593
Phải thu của khách hàng	135.660.412.870	-	-	135.660.412.870
Phải thu khác	422.648.662	-	-	422.648.662
Cộng	189.088.345.101	-	1.500.000.000	190.588.345.101
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	73.241.632.632	-	-	73.241.632.632
Chi phí phải trả	4.672.546.078	-	-	4.672.546.078
Phải trả khác	15.855.933.325	22.920.000.000	-	38.775.933.325
Các khoản vay	328.804.258.519	26.099.916.693	-	354.904.175.212
Cộng	422.574.370.554	49.019.916.693	-	471.594.287.247
Chênh lệch thanh khoản thuần	(233.486.025.453)	(49.019.916.693)	1.500.000.000	(281.005.942.146)
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền	28.859.441.506	-	-	28.859.441.506
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32.090.199.708	-	1.500.000.000	33.590.199.708
Phải thu của khách hàng	130.858.140.758	-	-	130.858.140.758
Phải thu khác	173.363.326	-	-	173.363.326
Cộng	191.981.145.298	-	1.500.000.000	193.481.145.298

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	64.455.739.733	-	-	64.455.739.733
Chi phí phải trả	2.367.460.470	-	-	2.367.460.470
Phải trả khác	13.312.148.064	23.215.000.000	-	36.527.148.064
Các khoản vay	410.273.740.555	42.389.508.858	-	452.663.249.413
Cộng	490.409.088.822	65.604.508.858	-	556.013.597.680
Chênh lệch thanh khoản thuần	(298.427.943.524)	(65.604.508.858)	1.500.000.000	(362.532.452.382)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 3 năm 2022



PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN
Kế toán trưởng

LÊ THỊ CẨM NHUNG
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT

